

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5

PHẦN CUỐI

- Kinh: “Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất cho đến Thọ ký Tam Bồ-đề.”

- Tán: Phần trên là châu thứ nhất pháp nói quyền thật hóa độ người thượng căn xong. Từ đây trở xuống là châu thứ hai dụ nói về quyền thật hóa độ người trung căn. Đại văn chia làm bốn:

- 1) Phật dùng thí dụ để hóa độ.
- 2) Trong phẩm Tín hiểu, người trung căn lãnh ngộ.
- 3) Phẩm Dược thảo dụ, Phật nói lại việc thành tựu.
- 4) Phẩm Thọ ký là thọ ký cho người.

Người thượng căn thông minh không cần trình bày nhiều. Hạ căn ba lần nghe pháp không cần nói rộng, cho nên việc hóa độ người trung văn nghĩa đều nhiều.

Văn đầu có hai:

- 1) Ngài Thu Tử thỉnh.
- 2) Phật nói lợi ích.

Ngài Thu Tử tuy hiểu mà nay lại thỉnh cầu nữa, lược có ba lý do:

- 1) Vì lợi ích đồng loại.
- 2) Hạnh lợi tha.
- 3) Thuận theo sự giáo hóa của Phật.

Trước: Là pháp nói rồi lại ba lần hết lòng thỉnh. Nay hiểu rồi thì giải thích. Văn Thu Tử thỉnh chia làm ba: Đầu tiên trình bày tự quyết, kế là thuật lại nghi của người, sau đó chánh cầu thỉnh.

- Kinh: “Là một ngàn hai trăm vị cho đến đều rơi vào nghi hoặc.”

- Tán: Ở đây thuật lại việc nghi của người khác, vì là dụng vậy. Kiến chấp có, không là biên kiến. Y theo ngã kiến sanh nên chấp lấy

tà kiến. Biên kiến tà kiến này nhiếp cả sáu mươi hai, kiến ngoại đạo khởi lên. Nay hiển bày y theo lời nói bỏ tà về chánh. Cho nên nay nói riêng .

Lại v.v... là ngoài ba kiến chấp còn các phiền não đều là chỗ phát nghiệp. Phật xưa từng nói: Pháp của ta có thể lìa hiện tiền sở kiến của sanh già bệnh chết mà được rốt ráo Niết-bàn. Do muốn dứt quả thì trước phải dứt nhân. Các người ấy dựa vào lời Phật dạy này mà lìa nhân khổ ngã kiến đã xong, chắc chắn biết khổ đương lai không còn sanh lại, chứng quả Niết-bàn cho là đã được quyết định. Nay lại nghe Phật nói khiến bỏ quyền giữ thật, đều rơi vào nghi hoặc mà khởi lên nghĩa nghi. Những vị kia đều không thể biết mình sẽ thành Phật. Không biết sở chứng trước đắc pháp gì? Là pháp rốt ráo hay đạo sở hành; lại vì đã đồng dùng lời Phật nói, đã dứt nhân khổ, thì quả không sanh.

- Kinh: “Lành thay! Đức Thế tôn cho đến khiến lìa nghi hối.”

- Tán: Đây chính là phần thỉnh.

Nghĩa nhân duyên có hai:

1) Lý do.

2) Đạo lý.

Nay thỉnh Đức Thế tôn thuật lại lý do này.

- Kinh: “Bấy giờ Phật bảo cho đến giáo hóa Bồ-tát.”

- Tán: Phật nói lợi ích, đại văn chia ra làm ba:

1) Tổng lược yếu chỉ. Đáp là lý do hứa nói.

2) Xá-lợi-phất như Quốc thành thôn ấp, trở xuống chánh là nói pháp dụ khiến người khai ngộ. Trong bài kệ sau nói: Phật bảo Xá-lợi-phất: “Các thầy đều là con ta. Ta là cha của các thầy.”

Đây là khuyên tin kinh này, vui sẽ đắc trí Phật. Phần đầu lại chia làm hai:

1) Nói Phật đã nói, tóm lược yếu chỉ đáp.

2) Sau lại trình bày lý do hứa nói .

Đây là nói phần đầu.

Đầu tiên nói phương tiện là tạm quả chân thật. Trước hóa độ Thanh văn là nhân của Bồ-tát. Tức trong phẩm Phương tiện chép: Biết chúng sanh có các thứ ham muốn. Tùy theo bốn tánh của chúng dùng các phương tiện mà vì nói pháp. Như thế đều là đã được Nhất thiết chủng trí của Phật thừa. Tức xưa nói quyền nay nói thật. Lý do là để hóa độ Bồ-tát, do đây mà nói là giải thích lý do, cho nên gọi là tóm lược yếu chỉ mà đáp”.

- Kinh: “Nhưng Xá-lợi-phất cho đến dùng thí dụ để hiểu.”

- Tán: Đây là nói lý do hứa nói. Nhiên (nhưng) có nghĩa là như thế (như thế).

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến tuổi đã già yếu.”

- Tán: Đoạn thứ hai chính là nói về pháp dụ khiến cho khai ngộ. Đầu tiên là văn xuôi.

Văn xuôi, sau là kệ tụng.

Văn xuôi có ba:

- 1) Trình bày thí dụ.
- 2) Hợp nói.
- 3) Kết luận đáp.

Vì nhân duyên ấy cho nên biết chư Phật dùng năng lực phương tiện hóa độ. Trong thí dụ có hai:

1) Thí dụ xưa là quyền.

2) Thí dụ pháp thật ngày nay, tức từ câu: Lúc này các người con thưa với cha: “Cha trước có hứa cho cho đến.”.

Thí dụ nói pháp quyền có bốn phần:

1) Dục Phật có trong ba cõi.
2) Từ câu “Người trong đó rất đông” trở xuống là thí dụ năm đường nguy ách.

3) Từ câu “Trưởng giả thấy lửa lớn” trở xuống là thí dụ lập quyền phương tiện.

4) Từ câu “Lúc ấy các người con nghe cha nói” trở xuống là thí dụ dựa vào nói lập phương tiện.

Phần đầu lại có sáu:

- 1) Xứ sở
- 2) Chủ nhà
- 3) Già yếu
- 4) Sản nghiệp
- 5) Tương nhà
- 6) Cửa đường.

Trong đây lại có ba: Xóm ấp, xóm làng, tức là xứ sở. Đã nói ba thừa, nên biết là hóa Phật. Hóa Phật chỉ là vua của cõi nước tam thiên. Nước lớn mà rộng là dụ cho cõi Đại thiên. Ấp rộng vừa là kế dụ cho thế giới trung thiên. Xóm làng rất nhỏ là dụ tiểu thiên thế giới. Từ đại trung tiểu thứ lớp mà dụ như thế. Trong Quảng Nhã nói: Xóm làng là nơi ở, là đông người nhóm hợp lại ở. Lại cũng có nghĩa là đình là viện. Có đại trưởng giả đó là chủ nhà. Trong dụ dưới nói trừ các sự hỏi đáp thì có tám trưởng giả.

Năm dụ đầu là hóa thân ra các con ở trong nhà, ba dụ sau là hóa thân và thân tha thọ dụng . Các con trong Ba thừa cùng ra khỏi nhà lửa. Dụ hỏi đáp ở dưới có năm trưởng giả đều hợp dụ hóa thân và thân tha thọ dụng .

Như Trưởng giả ở thế gian có ba thứ:

1) Có thể nắm thừa trưởng giả các việc binh quân. Biết rõ các pháp khéo dứt thị phi dụ cho. Phật từ bi, và trí tuệ đều tròn đẹp mà giải quyết lưới nghi.

2) Là bậc trưởng giả lớn tuổi đáng kính. Ở trong thành ấp tôn uy chẳng ai sánh bằng; dụ cho Phật đạo cao hơn các Thánh thần thông không ai bì kịp.

3) Là bậc Trưởng giả có thể gần gũi, nhờ giúp, tức giúp cho mình đầy đủ tùy sức cần dùng. Đây dụ cho phước trí của Phật đều đầy đủ lợi lạc bình đẳng. Trí đức, đoạn đức, ân đức thí dụ đều như thứ lớp.

Nói tuổi già suy đây là già yếu. Suy còn là già suy. Chử Mạ là từ lâu xa trở về dụ cho Phật từ lâu tu trí kiến quả Thánh tròn đầy thuần thực. Thành đạo từ lâu xa mới trở về nhập Niết-bàn. Chẳng phải nói nay sanh tức nói chung các vị trước.

- Kinh: “Cửa giàu vô lượng cho đến chỉ có một cửa.”

- Tán: Đây nói ba phần: Sản nghiệp, tướng nhà, và cửa đường.

Nêu sản nghiệp có bốn ý:

a) Dụ giàu có cửa cái: Bấy tài đầy đủ.

b) Dụ ruộng là hai thứ trí và đoạn là nơi sanh ra công đức.

c) Nhà dụ cho bốn thức dị thực của các chúng sanh. Cho nên bốn thức cũng là trạch thức. Như vua có bốn biển là nhà, quang trạch khắp thiên hạ. Phật cũng như thế. Lấy tất cả chúng sanh làm nhà của mình. Thế tức là bốn thức, cho nên trong kinh Vô Cấu Xứng chép: Các cõi nước hữu tình là cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm của Bồ-tát. Chúng sanh vô lượng nên nói có nhiều. Trong phần tụng nói: Chỉ có một người. Cho nên nói là có một nhà lớn. Hoặc như một với sáu hợp lại mà quang trạch. Do đó đây gọi là nhiều. Dưới nói có một, cũng như nói thấy bình đẳng chúng sanh như là một người con. Hoặc đây y cứ sự khác nhau của chúng sanh, nên nói là có nhiều. Dưới nương theo Phật làm chủ, cho nên nói có một, sự thật thì nhà này một nhiều không khác. Do lấy dị thực thức làm nhà, nên nhà này xà cột đều gãy mục tai họa sẽ xảy ra. Nếu nói thiên định là nhà, thì sao có tai họa, nói mục, cũ, nát cho đến nên nghĩa nhà này có khác nhau.

d) “Tôi tớ v.v...” Trong phần hợp nói ở dưới dụ cho thân thông của

Phật, tùy ý tự tại.

Lại dụ Phật nói về khởi ra phiền não, phẩm Bồ-đề phần kinh Vô Cấu Xứng, chép: Phiền não là kẻ tội tở, thấp hèn tùy ý mà chuyển. Như Lai có thể lấy phiền não làm tội tở, rất khinh nhà cửa, dứt hết vinh hoa, cũng dùng làm tội tở nên tùy ý chuyển. Ái ngữ với La-hầu-la mắng Điều-đạt, vì lợi lạc chúng sanh. Văn dưới lấy trí tuệ thần thông làm lực tay và chân của Phật, cho nên nay nói tội tở chẳng phải nhất định là thần thông. Trong nói văn nói người nam có tội làm tội tở thì gọi là đồng. Nữ sĩ theo người xuất giá thì gọi là bợc. Lại nói cấp sử là người phục dịch.

Tướng nhà đó rộng lớn: Bốn thức là nhà. Y theo phần hợp nói dưới nói thì chu vi là cả ba cõi, hoặc vô thí hữu, hoặc bap gồm tất cả hạt giống chuyển biến làm ba cõi. Thể chung cả hai sanh tử, nên nói là rộng lớn, tên khác thể đồng.

Chỉ có một cửa: Cửa là nhân để ra khỏi nhà. Trong phần văn xuôi này đối với dụ và hợp gồm có năm cửa: Một là đây nói chỉ có một cửa; hai là cửa bị đốt cháy; ba là cửa nhỏ hẹp; bốn là nay đang ở ngoài cửa; năm là dùng cửa Phật giáo để ra khỏi nhà ba cõi khổ.

Bốn cửa đầu ở trong dụ. Một cửa sau ở trong hợp. Cửa có hai thứ

1) Cửa chánh lớn chính giữa chỉ có Nhất thừa giáo hạnh.

2) Cửa bên cạnh nhỏ hẹp là chỉ có Nhị thừa giáo hạnh. Ba cửa đầu là nói cửa chánh lớn chính giữa, thể tức là giáo hạnh của Nhất thừa, hai cửa sau lớn, nhỏ ở bên, gọi là cửa. Thể tức là giáo hạnh của Ba thừa. Có thể đưa người ra khỏi nhà biến dịch ba cõi. Cho nên ở cửa đầu gọi là một, không gọi là ba. Hai là Phật từ cửa thiêu đốt an ổn bước ra, mà không ra từ cửa Nhị thừa giáo hạnh. Ba là cửa nhỏ hẹp không dung chứa Nhị thừa. Cho nên biết ba cửa đầu chỉ là Nhất thừa giáo hạnh. Bốn là cả ba xe đều ở ngoài cửa, há Nhị thừa cũng ra bên ngoài cửa giáo hạnh Nhất thừa. Năm là thấy chúng sanh từ cửa Phật giáo ra khỏi Ba cõi khổ, đắc quả an vui Niết-bàn, cuối cùng đem cho xe lớn. Tức Nhị thừa cũng đã ra khỏi cửa. Từ đây mà biết thì hai cửa sau cũng có cả trung biên, đại tiểu, chánh bên. Tất cả đều gọi là cửa, khác với các nghĩa trước khác nhau mà không mâu thuẫn nghĩa. Các nghĩa cửa đến trong văn, mỗi mỗi sẽ giải thích.

Nay nói hai lợi hạnh tròn đầy rộng lớn có thể ra chỗ hai sanh tử. Cho nên cửa gọi là một mà không gọi là hai. Ở đây nói cửa ra khỏi ba cõi chẳng phải là cửa đi vào Tịnh độ. Kia thì dùng đại không, vô tướng vô nguyện, giải thoát làm cửa để vào, chỗ hướng đến có khác. Đây

dùng giáo đối với lý, lấy nhân mà đối với quả nên gọi là cửa. Kia dùng trí đối cảnh gọi là cửa. Lại đây, so với ba cõi mà gọi là ra. Nếu so với Tịnh độ thì cũng gọi là nhập, thể là một vậy. Đây nói ra khỏi cửa Ba cõi mà không nói nhập vào cửa Ba cõi. Nhập vào cửa nghiệp và phiền não trong Ba cõi. Tùy đối chiếu nghĩa có khác mà không trái nhau.

- Kinh: “Có nhiều người cho đến.. dừng trú trong đó.”

- Tán: Dự năm đường nguy vong, có bốn ý:

- 1) Rất đông người.
- 2) Nhà hư nát sắp sập.
- 3) Tai nạn các nơi nổi lên.
- 4) Các con chơi đùa trong đó, đây là nói phần đầu.

Hạt giống năm đường gọi là chỗ huân tập. Vì nghiệp chiêu trong các đường khác nhau nên có năm. Tùy theo chúng thích ứng mà có riêng chi hữu. Có mười thứ nghiệp thiện ác, tùy theo chỗ chiêu cảm của mười nghiệp này mà gọi là “năm trăm người”.

Nghĩa là trong mười nghiệp đạo, mỗi nghiệp đều có tự tác giáo tha, khen ngợi khuyến khích, vui mừng, an ủi, thiếu phần, phần nhiều, toàn phần, thời ít, thời nhiều và trọn đời cho đến. Mỗi nghiệp khác nhau có mười, mười nghiệp tu chiêu cảm quả nên đặt tên thành năm trăm. Hoặc trong mười nghiệp đạo, mỗi nghiệp do mười hoặc phát nhuận lên nên gọi là năm trăm. Các thứ này ở trong bốn thức đều gọi là “Ở trong nhà lửa.” Do các hạt giống này làm nhân, nên luân hồi trong năm đường khổ đau không dứt.

- Kinh: “Lầu gác đã hư mục cho đến cột xà nghiêng đổ nguy hiểm.”

- Tán: Nhà cửa hư mục nguy ách này có bốn:

- 1) Lầu gác dự cho sắc.
- 2) Tường vách dự cho tưởng.
- 3) Chân cột dự cho hành.
- 4) Kèo cột dự cho thọ.

Nhà đó là thức, gìn giữ bốn uẩn này. Văn dưới nói: Nhà đã lâu cũ mà lại hư mục. Lấy đây suy ra thì biết còn ngoài bốn thứ năm uẩn và bốn thức trụ:

Lầu gác hư mục là: Lầu dự cho thân căn lớn và làm chủ. Các: Dự cho các căn dựa vào thân mà có. Nhận lấy các thứ bất tịnh để duy trì lâu ngày tự sanh diệt nên gọi là cũ mục. Mục là hư nát, cũ kĩ rất xấu. Bên ngoài ngăn che là tường, trong ngăn giữ là vách. Tưởng uẩn bên ngoài biến các hình tượng như tường, bên trong biến thành vách, đều giả đối

không thật. Vách tường sụp đổ, chân cột hư nát là pháp trong hành uẩn rất nhiều, hơn hết là mạng căn, làm chủ thân nên như cột nhà, cùng với các thứ khác gọi là căn. Tánh của căn này mục nát nên gọi là hủ bại.

Cột kèo xiêu vẹo là: Rường là cột dọc, và là cột ngang. Bên trong quả dị thực thọ làm gốc như đồng. Quả tăng thượng bên ngoài thọ làm ngọn như lương. Rường xà nường theo cột mà có, như quả thọ y theo nghiệp, mạng căn. Các xà ngang cột kèo nay sắp sụp đổ rơi xuống nên gọi xiêu ngã. Trong nhà đó, dụ cho các pháp thọ giữ. Cho nên trong Du-già quyển mười sáu dẫn trong kinh tụng là: Các sắc như khối bọt. Các thọ như bọt nổi. Các tướng như lửa cháy. Các hành dụ choc ây chuối. Các thức là huyễn sự. Cái gọi là các hành của nhật thân một thời sanh ra cũng là một thời trụ diệt. Kinh Vô Cấu Xứng cũng chép: Sắc như chum bọt không thể nắm bắt, thọ như bọt nổi, không thể trụ lâu. Tướng như lửa cháy từ khát ái sanh ra. Hành như cây chuối đều không có thật. Thức như là viển huyễn, điên đảo nổi lên. Như trong Du-già nhiếp các môn khác phân biệt giải thích. Như nói da thịt xương cốt các việc biến khác thư giản, phối hợp với bốn câu này thì làm sao trong Ba cõi đều có đầy đủ hai cõi trên thì không có việc này, thì làm sao có lửa phiền não năng thiêu, và nhà nường tựa.

Ba cõi dụ đầy đủ, và nói quả dị thực bị thiêu đốt chỉ dụ cho cõi người ở trong cõi Dục mà trong sáu tầng trời Dục còn nói đã không có sự hoại nát của da, thịt cho đến vì thế, chỉ nên như giải thích ở trên.

Lại giải thích phần hợp dụ ở dưới, vì muốn cứu giúp sanh già bệnh chết cho chúng sanh tức cũng như chi phối ở đây y cứ là thật.

Bốn tướng biến khắp trong năm uẩn mà có ở dưới nói: Lửa lớn từ bốn phía nổi lên. Bốn phía theo kinh nói là bốn tướng, như trong đây là chỉ cho bốn uẩn. Lấy các pháp ở cõi Dục để dụ cho dị tướng khổ quả là để cho sanh nhàm chán, nhân khổ phiền não trong ba cõi thí dụ chung cũng không trái lý.

- Kinh: “Bốn phía đồng một lúc cho đến thiêu đốt nhà cửa.”

- Tán: Các nơi lửa bốc lên.

Biến khắp cả năm uẩn gọi là bốn phía bao quanh. Niệm niệm cùng khởi thì gọi là cùng lúc; chẳng lý do mà có gọi là bỗng nhiên. Phiền não tùy theo đó sanh ra thì gọi là lửa nổi lên, khiến cho năm uẩn này thành tạp nhiễm tánh, bất tịnh khổ tánh, vô thường ngã tánh. Năm uẩn biến hoại nên gọi là thiêu đốt nhà cửa. Ý ở đây nói là biến duyên khắp năm uẩn. Niệm niệm bất chánh nên sanh ra phiền não, phiền não thêm lớn trói buộc. Thế nên thân năm uẩn thành ra bất tịnh, khổ, vô

thường, vô ngã. Cho nên gọi là thiêu đốt nhà cửa. Nói nhà tức gồm cả lầu gác cho đến Do nhà mà nạn lửa phát sanh. Do lửa mà nhà bị thiêu đốt. Tức nhân nơi năm uẩn mà sanh ra phiền não lại nhân phiền não mà thêm lớn năm uẩn. Hai tướng nhân hữu cũng vậy. Hoặc khắp sanh già bệnh chết cũng có phiền não, nên lấy đây thí dụ.

- Kinh: Các con của trưởng giả...ở trong nhà đó”

- Tán: Các con ở trong nhà lửa vui chơi.

Tuy là chúng sanh trong năm đường mà đều là Phật tử, Phật đều thương yêu không nghiêng lệch. Nhưng chúng sanh chỉ là con nuôi. Nếu có hạt giống vô lậu trong Ba thừa thì có thể nối ngôi vị của cha. Sanh giữa, sanh bên mới gọi là con thật. Cho nên chỉ nói ba mà không nói bốn năm. Y theo phẩm Hiển Thủ kinh Hoa nghiêm nói: Mười dụ cho Bồ tát, hai mươi dụ cho Độc giác, ba mươi dụ cho Thanh văn, mỗi chúng ta theo mười thứ pháp hành của thừa mình thuộc về ba tuệ. Và tu mười nghiệp đạo trợ giúp hạt giống vô lậu mới đắc quả tròn đầy. Nói mười, hai mươi, ba mươi đó là do có đầy đủ một tánh, hai tánh, ba tánh mà có khác nhau. Nên nói mười, hai mươi hoặc ba mươi. Vì trong kinh này mang các căn tánh, đều y theo tự thừa mà tu các pháp hành, trợ giúp các chủng tánh này mà lập ra mười tên gọi.

Năm đường trước là thuận theo bốn thức mà gọi là dừng ở trong. Tam vô lậu chủng dựa vào bốn thức mà gọi là ở tại nhà này.

- Kinh: “Trưởng giả thấy là cho đến liền rất sợ sệt”

- Tán: Phần thứ ba lớn dụ về quyền phương tiện. Có bốn:

1. Dụ thấy khổ sanh từ bi.

2. “Xá-lợi-phất!... Trưởng giả đó v.v...” chỉ rõ dùng Đại không mong cứu được.

3. “Bấy giờ Trưởng giả liền nghĩ v.v...” “là suy nghĩ cách cứu giúp.

4. “Cha biết rõ tâm trước của các con v.v...” Đây là dụ chánh nói về Ba thừa.

Sanh tâm bi nghĩa là khi Phật xưa còn ở địa vị Bồ-tát, hoặc lúc mười sáu vương tử v.v... cho nên trước nói: Từng ở chỗ hai muôn ức Phật giáo hóa các thầy. Phẩm trước cũng nói Phật vì chúng sanh mà khởi tâm đại bi. Không mong cầu chỉ bày Đại: Như mười sáu vị vương tử kia từng được giáo hóa pháp Đại thừa nhưng giữa đường tâm lui sụt. Ở trong phẩm trước cũng nói: “Trí tuệ sở đắc của Ta cho đến các pháp như thế làm sao mà có thể độ? Trước đây cũng nói: Ta xưa giáo hóa ông chí nguyện Phật đạo, nay ông đều quên hết.

Nghĩ cách cứu giúp: Thấy người lui sụt rồi, sau suy nghĩ cách cứu

giúp. Phẩm trước cũng nói: Nghĩ trong thời Phật quá khứ, cho đến nay Ta cũng nên nói pháp Ba thừa.

Chánh nói Ba thừa là: Gần gũi giáo hóa, khiến trụ vào Nhị thừa. Phẩm trước nói: “Liên đến Ba-la-nại v.v... cho đến tên Pháp, Tăng khác nhau”. Hoặc trước cũng nói: “Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sanh vào trong pháp ta”. Chẳng những đồng với phẩm này mà cũng đồng với phẩm gần cùng tử, đến dưới sẽ nói.

Văn đầu cũng có hai:

1. Nói sanh tâm từ bi.
2. Trình bày việc bi.

Lửa bốc cháy lớn là phiền não và tùy phiền não. Bốn phía là: Trong năm uẩn đều có sanh trụ dị diệt, bốn vị trước sau.

Kinh A-hàm chép: Sanh là Đông phương, trụ là Nam phương, dị là Tây phương, diệt là Bắc phương. Dụ mặt trời mọc lặn là phối hợp cả bốn phương. Do bốn vị này mà sanh ra phiền não. Hoặc thân, thọ, tâm, pháp duyên khởi lên bốn điên đảo. Do bốn duyên này mà sanh ra điên đảo căn bản, tự tánh, tất cả phiền não đẳng lưu, và tùy phiền não.

Rất kinh sợ: Cha thấy lửa cháy sợ thiêu đốt con nên hoảng hồn kinh sợ. Phật thấy hoặc nghiệp nổi lên sợ tổn chúng sanh mà khởi bi ý.

- Kinh: “Mà nghĩa ... ý cầu ra khỏi”

- Tán: Đây trình bày sự bị thương. Ta tuy đã thoát ra, còn các con thật đáng thương.

Cửa bị cháy này là giáo hạnh Nhất thừa. Vì nhiều oán ghét, chê bai, bất tín, bị chương nạn phá hoại phiền não làm ngăn trở nên gọi là cửa ở nhà bị cháy.

Vì thếb kinh dưới nói: Kinh Pháp Hoa này có rất nhiều oán ghét. Nhân vị của ta trước kia nương vào giáo pháp Nhất thừa, quán lý hai không, tu hành hai lợi. Chứng hai chân trí, ra khỏi phần đoạn sanh tử, nhập Bất thoái địa. Đó gọi là ở nơi cửa bị cháy này an ổn vượt ra, nương vào xe báu mà đến Đạo tràng. Nhưng chúng sanh đủ các tham chấp, tham chấp giới, địa, phần, và thừa. Do tham chấp này mà buông lung chơi giỡn trong nhà lửa không nghĩ lường, lấy trí tỷ lượng giác biết trí hiện lượng mà hay, không lo sợ sanh nghi quái lạ. Cũng không nhàm chán hoạn nạn sanh tử, do đó mà lửa phiền não thiêu đốt thân. Khổ quả sanh tử hiện tiền thật là đau khổ, mà không có ý nhàm chán lìa bỏ. Không cầu xuất thế, không chứng diệt tâm. Cho nên trong phẩm trước nói: Không cầu uy thế của Phật và chỉ cho pháp diệt khổ, chúng sanh như thế thật là đáng thương xót! Trong kinh Hoa nghiêm nói: Cũng như

người có con một rất yêu thương. Bỗng có kẻ khác đến làm hại cắt bỏ thân thể tay chân của đứa con đó. Người cha trông thấy đau đớn xót thương. Kinh này cũng giống như thế.

Chư Phật, Bồ-tát thấy chúng sanh gây ra các nghiệp duyên ác, bị phiền não trói buộc sa vào ba đường ác chịu vô lượng khổ, Phật thấy những việc như thế khởi tâm bi nguyện xót thương cũng như vậy. Trong kinh Vô Cấu Xưng chép: Cũng như Trưởng giả chỉ có một đứa em. Khi con bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh.

Hỏi: Trong đây kinh nói: Ta ở cửa này an ổn ra khỏi trước các con. Vì sao Văn dưới nói: Ta và các con nếu không ra ngay v.v... tức cùng các con ra đồng thời phải không ?

Đáp: Văn dưới kinh tự nói: Trưởng giả nghe rồi kinh sợ bèn vào nhà lửa, trong phần hợp dụ tự nói vì lợi ích chúng sanh mà Phật hạ sanh vào nhà lửa ba cõi cũ nát. Kinh Niết-bàn chép: Ví như nhà của trưởng giả bị cháy. Trưởng giả thấy mình đã từ nhà đó bước ra. Các con ở sau chưa thoát ra được nạn lửa. Ông biết lửa sẽ làm nguy hại nên vì thương con ông trở lại cứu mà không màng đến thân mình. Chư Phật, Bồ-tát cũng vậy, tuy biết sanh tử nhiều hoạn loạn. Vì chúng sanh mà Phật trở vào đó không nhằm chán. Cho nên gọi là bất khả tư nghì. Lại nói về cùng đưa các con ra, chứ thật thì Phật đã ra trước.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến từ nhà đó mà ra ngoài”.

- Tán: Phần thứ hai khai dụ chỉ Đại thừa không mong cứu được.

Có bốn:

1. Suy nghĩ dùng quả Đại thừa hóa độ.
2. Lại suy nghĩ nghĩ về nhân hóa Đại thừa.
3. Khởi niệm rồi thì tùy hiện ra các sự hành hóa Đại thừa.
4. Cha tuy thương xót mà không mong dùng pháp Đại thừa hóa

độ.

Trí tuệ của chư Phật gọi là quả Đại thừa. Ngôn giáo được giảng nói là quả đức của Phật. Thân có năng lực thì gọi là hai chân trí, Phật dùng trí làm thể. Tay có năng lực là sáu thân thông, tác dụng bên ngoài. Phật suy nghĩ: Ta có đủ hai đức thù thắng này. Chúng sanh chửi tán Nhị thừa tuy không tu hành Đại thừa có ý cầu ra khỏi nhà lửa. Nên ta lấy trí tuệ, dùng bàn ghế, trao cho hành trung căn chứng quả viên giác, dùng dụng thân thông tay áo mà cứu khổ chúng sanh hạ căn bất buộc chúng sanh ra khỏi nhà lửa Ba cõi mà cứu độ họ.

Vì hàng Bồ-tát thượng căn đã hành trì pháp Nhất thừa nhờ đó mà ra khỏi ba cõi. Như đứa con lớn có thể từ cửa này mà ra. Trong đây

không nói như thế, mà chỉ nói hóa Nhị thừa bất định tánh. Trung căn Độc giác không thể tu nhân Nhất thừa không nương thần lực Phật, mà chỉ dựa vào dụng trí tuệ của Phật. Như những người con kia không thể bước ra không thể nhờ người khác dắt tay. Chỉ trao cho bàn ghế, để cho con nương theo đó tự ra khỏi nhà. Người hạ căn Thanh văn không thể thực hành nhân Đại thừa, cũng không thể dụng lực trí tuệ của Phật nên trao cho thần thông. Như đứa con nhỏ không thể từ cửa ra không thể nhảy lên bàn ghế mà chỉ nắm lấy tay áo mà thoát ra. Vì thế, phần hợp dưới nói: Như Lai cũng như thế nhấn đến có Đại thừa lực và trí tuệ lực, các phương tiện Trí tuệ ba-la-mật Đại thừa. Cho nên biết thần thông đó là lực của tay, là dụng ngoại biệt. Trí tuệ là thần lực, là tổng dụng bên trong. Y theo thân thì có tay, nương vào trí mà khởi thần thông. Trong đây nói phương tiện là hai lực tác dụng của tay áo và bàn ghế. Kia đã không thể tu hành đại hạnh, ta dùng hai năng lực phương tiện này mà trao cho Đại thừa, để họ thoát khổ thành tựu đại giác. Kia đã không thể tu hành đại hạnh, nên ta muốn dùng hai phương tiện này mà cứu độ họ.

Trước đã sanh ra những việc này, cũng chính là việc sau đó Phật thành đạo dưới gốc cây đi kinh hành. Trong hai mươi một ngày suy nghĩ việc này.

- Kinh: “Ông ta suy nghĩ lại cho đến mà lại nhỏ hẹp.”

- Tán: Thứ hai: Suy nghĩ nhân Đại thừa hóa độ.

Trên suy nghĩ quả hóa rồi mà không được, nên phải dùng nhân để hóa. Nhân hóa có ba:

1. Đầu tiên nghĩ không thể nương vào hạnh Đại thừa.
2. Hoặc khởi chê bai, đắm trước vào đường ác.
3. Nghĩ nên chỉ các khổ, thậm nói Đại thừa.

Nhà của hai thứ sanh tử trong Ba cõi chỉ có một cửa chánh Đại thừa là nơi thoát ra. Đại tánh Bồ-tát có thể hành trì đầy đủ. Tánh của Nhị thừa hiện ra không thể nương vào Đại giáo mà ra. Nếu Phật nói cho họ nghe, họ cũng không thể hành trì, không thể chứa hạnh này nên gọi là nhỏ hẹp. Không chấp nhận Độc giác hành trì nên gọi là hẹp. Không chấp nhận Thanh văn hành trì gọi là nhỏ. Cũng như biển lớn không dung nạp thân chết cũng gọi là hẹp, nhân hạnh Nhất thừa tuy rộng vô biên mà không dung chứa hạnh nhị thừa nên gọi là nhỏ hẹp.

- Kinh: “Các con nhỏ dại cho đến bị lửa thiêu đốt.”

- Tán: Nếu khởi tâm chê bai, đắm chìm, vào đường ác. Chúng sanh tuy có hạt giống xuất thế mà chưa khởi hiện hành thì gọi là nhỏ dại. Trĩ

nghĩa là nhỏ, chưa có sự hiểu biết. Chưa khởi lên hiện trí thấu đạt Phật pháp Đại thừa sâu mầu mà luyến trước vào Ba cõi. Nếu liền nói cho họ nghe pháp Đại thừa, bởi họ đã mê đắm vào Ba cõi nên lại chê bai pháp khởi lên hoặc nghiệp, hoặc sẽ bị đọa lạc mãi mãi chìm trong khổ nạn. Thuận hành thì được ra, chê bai thì mãi mãi chìm đắm. Vì tánh bất định nên nói “hoặc sẽ”. Bị phiền não tổn hoại thì gọi là lửa thiêu. Ý này muốn nói nếu liền nói pháp Nhất thừa, mà mà họ đang đắm chìm trong sanh tử, sẽ sinh phá pháp, không tin đọa vào đường ác.

- Kinh: “Ta nên vì chúng nói cho đến bị thiêu đốt.”

- Tán: Suy nghĩ nói các khổ, thâm nói Đại thừa.

Thâm nói Đại thừa là nghĩ cách để chúng mau ra khỏi nhà lửa. Tuy biết những người kia không tin học thực hành lý Đại thừa mà vì làm nhân chứng bây giờ, suy nghĩ thâm nói.

- Kinh: “Nghĩ như thế rồi cho đến các con nên mau ra.”

- Tán: Thứ ba là tùy nói về hành Đại thừa hóa độ. Tức như trước nói đời đời đã từng theo Phật thọ hóa, cũng như nói: “Ta xưa dạy ông chí nguyện nơi Phật đạo. Ông nay đã quên hết.” Hoặc như văn dưới nói mười sáu vị vương tử bắt đầu kết duyên. Nay nói việc sanh tử đáng sợ và pháp Đại thừa đáng ưa. Cho nên nói đầy đủ.

- Kinh: “Cha tuy thương xót cho đến không chịu tin nhận”.

- Tán: Thứ tư là không mong cầu sự giáo hóa Đại thừa, đây có hai: Đầu tiên không tin cầu, sau không kinh sợ nhàm chán.

Do mê đắm sanh tử, không tin học lý, hạnh Đại thừa ý đây nói bắt đầu nghe ngôn giáo Đại thừa mà không thể nương theo lý, hạnh tu học trở lại trong vòng sanh tử nên nói là không tin nhận. Thọ có nghĩa là lãnh nạp, tín là chứng nhập. Không thể y theo hạnh mà chứng nhập lý Đại thừa gọi là không tin nhận phải hoàn toàn ngu pháp bắt đầu thuận tu tập theo.

- Kinh: “Chẳng kinh sợ cho đến nhìn cha mà thôi.”

- Tán: Ở đây không ghê chán, ghê lạ tức không kinh sợ. Không sợ hãi ngôi nhà năm uẩn hư hoại nguy khổ. không sợ lửa phiền não đốt cháy rõ ràng không mong cầu tâm thành Phật thoát khổ. Không phân biệt biết lửa phiền não đốt thân, năm uẩn là sanh tử, không biết các khổ đang ép ngặt, làm mất thân mình không tiến tu Thánh đạo. Thâm bị các khổ phiền não ép ngặt, thiếu là không có tác dụng của Thánh đạo. Như lửa cháy nhà cửa đều bị thiêu hủy mất hết tài sản tổn não thân mạng nên gọi là thất.

Nói ruổi chạy Đông Tây: Đông là dụ cho đường thiện. Tây là dụ

cho đường ác, hơn kém khác nhau cho nên gọi là Đông Tây. Luân hồi trong năm đường, đắm chìm trong bốn sanh. Tuy thấy Phật nghe pháp mà ý không cầu thành Phật. Cho nên nói chạy giỡn nhìn cha mà thôi.

- Kinh: “Bấy giờ trưởng giả cho đến tránh được hại này.”

- Tán: Suy nghĩ tìm cách cứu giúp.

“Ta và các con nếu không ra khỏi đây”. Có chỗ giải thích: Vì chúng sanh bệnh nên Bồ-tát cũng bệnh. Chúng sanh ra khỏi thì Bồ-tát cũng ra khỏi. Thật thì Bồ-tát ra đã từ lâu, chẳng phải đến bây giờ mới cùng con thoát ra. Đây là ý nói: Phật Thích-ca hóa thân xuất gia thành đạo nhập vào Niết-bàn, nay mới hiện thân ra khỏi nhà lửa.

Người Thanh văn nay gặp Phật cũng ở thời nay, hiện đời Đức Phật Thích-ca mới ra khỏi sanh tử cho nên nói kịp thời ra. Thật sự trước đó Phật đã ở ngoài sanh tử. Vì thế trước nói: “Ta tuy ở cửa này được ra khỏi an ổn v.v...”

- Kinh: Cha biết các con cho đến ý sẽ mê đắm .

- Tán: Đây là văn thứ tư chánh nói về dụ Ba thừa. Có hai:

1. Biết căn cơ.

2. Chánh nói.

Biết các con tâm trước kia đều có ưa thích tức là chủng tánh Ba thừa tùy theo căn cơ mà có khác nhau, pháp mỗi mỗi thích nghe tức là tất-đàn vị nhân v.v...

Biết tâm trước đó là do căn cơ hơn kém trí lực và thắng giải trí lực của Phật mà biết. Biết các thứ đồ chơi tốt đẹp quý báu là tùy theo tự quả các pháp công đức, tức do là chỗ Biến thú hành trí lực của Phật mà biết.

Trần bảo: Là đồ chơi tốt đẹp, là tốt đẹp, là chơi giỡn. Siêu xuất hữu lậu gọi là vật lạ lùng. Tùy được sẽ là của báu nên là thích.

Hỏi: Vì sao khi cho ngôi thành không nói trước ưa thích, nay cho xe lại nói là trước ưa thích?

Đáp: Xe là tùy căn cơ tu học sẽ đi đến nên trước có ưa. Thành là nơi nghỉ ngơi cho bớt mệt chẳng phải là nơi sanh về nên không là trước ưa. Xe là do tu mà sanh ra. thành là do tu hiển bày, cho nên xe nói ưa thích thành không có ưa thích. Lại nói lên điều ưa thích trước cũng không sai, vì biết chúng muốn lui về, tức thành cũng có nghĩa trước chúng ưa thích.

Hỏi: Vì sao xe cho là đồ chơi lạ lùng quý báu, mà thành thì không nói vậy?

Đáp: Tướng đức hữu vi có thể phân biệt biết, nên xe nói tướng đồ

chơi lạ lùng, vì tướng chung một đức vô vi chỉ nói ở hóa thành. Lại cả hai đều không khác. Trong thành thì có lầu gác nhà cửa tức là đồ châu báu lạ lùng.

- Kinh: “Mà bảo rằng cho đến đều sẽ cho ông.”

- Tán: Đây là chánh nói. Có ba:

1. Nói chung khiến cho lấy.
2. Nói riêng ba xe.
3. Khuyên ra ngoài rồi cho.

Nếu không nghe lời ra ngoài để lấy ba quả thì sau đó sẽ bị đắm chìm đọa vào biển khổ sanh tử, cho nên gọi là ưu hối. Đây là phần văn đầu. Ba xe ở bên ngoài cửa có thể lấy để vui chơi. Đây là ý văn thứ hai. Do hình mạo có lớn nhỏ mà nhận thọ có ít nhiều. Lợi qua sông có cạn sâu nên dùng sức có mạnh yếu. Như dụ về căn tánh, bầm giáo, chứng lý. Khả năng hành có ba thứ. Khả năng ấy là dùng công năng trí lực để dứt hoặc. Lại xe dê phần nhiều nhờ vào người. Xe hươu phần nhiều ở nơi chỗ tịnh. Xe trâu thì có đủ hai công năng mang vác vận chuyển, mỗi thứ tùy theo khả năng hơn để làm ví dụ. Đây là phần thứ ba y theo xứ có ồn ào, yên tĩnh.

Hai thứ xe dê, xe hươu có tên nêu ra để đem cho mà không thấy không cỡi lên. Đây là lấy chủng trí của nhị thừa tiểu trung làm thể. Nếu lấy Niết-bàn làm thể tức là hóa thành. Dưới nói vào thành rồi nghỉ một trừ hết khổ, thì vì sao lại không thấy xe, sau đó lại theo xin cha. Nếu lấy sở đắc sanh không vô lậu trí của Nhị thừa làm thể của xe, thì kia cũng đã bước lên. Vì sao nói là không được. Vậy nên biết hư chỉ sở đắc hữu lậu hậu đắc trí Tam muội của thế gian gọi đó là chủng trí xứng là thể của hai xe. Có tên không thấy, cũng không lên xe đi chơi, không thể phân biệt mà chứng các pháp. Lại hiển bày mượn Niết-bàn, nói là đã vào Niết bàn yên ổn, các người ấy có trí sanh không Bồ-đề mà không thể phân biệt pháp, nên không gọi là xe và không cho bước lên. Hoặc khổ đã diệt mà trí chướng chưa dứt thì sở chứng kia đã được là thiền định thế gian, đối gọi là xe để ra khỏi cửa. Vì tạm nhập Đại thừa, do đó mà chứng quả vị Đại Niết-bàn. Nên luận này chép: Người thứ nhất là lấy các thứ công đức gốc lành Tam muội của thế gian, làm phương tiện khiến cho vui chơi sau đó nhập vào Niết-bàn. Cho nên giáo pháp Ba thừa hợp lại gọi là cửa. Lý nằm ở ngoài giáo nên gọi là ngoài cửa. Lại cửa này là nhân hạnh của Ba thừa. Quả vượt ngoài nhân nên gọi là ngoài cửa. Trong đây nhất định dùng phân biệt chủng trí, để làm thể của xe. Cho nên trong kinh nhiều lần nói: Rất ráo đặc Nhất thiết chủng trí.

Vừa thừa vừa đại nên gọi là nghĩa Đại thừa.

Hỏi: Vì sao trong phẩm Phương Tiện, quyền thật, lý trí, nhân quả, đều nói; hai châu dưới chỉ nói lý trí, nhân quả?

Đáp: Trong thừa có quyền thật. Thật có nhân quả. Quả có lý trí. Ba thứ đều khác nhau. Không biết quyền thật thì các việc lấy bỏ không thành. Không biết quả nhân thì các pháp năng sở hưởng đến không lập. Không rõ lý trí thì đâu có tâm Bồ-đề, Niết-bàn. Trí đoạn không viên đâu thành đạo mãn. Cho nên châu đầu tiên giáo hóa người lợi căn đều cùng tận huyền tông. Hạng trung căn một lần nghe dần dần biết pháp quyền thật, lấy bỏ, tuy là chưa biết thủ nhân. Cho nên nói ba xe khiến biết một hạnh Nhất thừa. Ẩn giác tịch trong quả, nói xe trí trong nhân. Lý kín trong nhân vị, nương theo đó tu tập mà sanh ra chủng trí. Lý dần dần tỏ ngộ mà trí chưa thông. Hạ căn tuy nghe lại quyền thật và cho nhân trí mà quả lý còn mê. Càng thấy rõ lý có giả, thật nói ra căn bản khiến cho kia lấy mà xả bỏ sự an ổn phẩm Trí trong qua, cất giữ trong nhân cùng trang nghiêm, vì ứng cơ khác nhau mà ba châu có chút ít khác. Nói nhân quả Nhất thừa có riêng, có đủ, nên ở trong quả giác tịch, khai thị có tròn có khuyết. Pháp thân đại tuệ nói có đủ thiếu, nên trong luận Địa trì nói có bốn xe: Ba thứ xe trên và thêm dụ xe voi làm bốn Niết-bàn. Nương vào tánh Đại thừa thì gọi là Đại thừa, chẳng phải dụ cho tam trí. Kinh Niết-bàn nói có hai xe. Cũng như nhà vua, có đi xe bốn ngựa. Muốn đem xe lừa cho thì không có việc ấy. Đây dùng hình tướng nửa và đủ chẳng phải dùng ba căn cơ vận chuyển phân biệt, cũng không trái nhau.

Kinh Ưu-bà-tắc nói ba con thú lội qua sông, là dụ lý đồng mà chứng khác.

Luận Trí độ nói: Ba đường bị bao vây, dụ cho chúng Ba thừa bị bao vây trong vòng sanh tử. Dụng năng lực để thoát ra khỏi vòng vây thì có lớn nhỏ. Lại nói ba người đắc đạo là dụ cho sự chứng quả Ba thừa có rộng hẹp. Mỗi bên y cứ theo một nghĩa cũng không sai trái.

Các con mau ra khỏi đây, ta sẽ tùy nghi mà cho các con xe. Đây là đoạn văn thứ ba. Nay lược lại nói có năm việc hỏi đáp:

1) Hỏi: Trong trí có ba thứ hư thật đều gọi là xe. Trong lý có giả chân, thành gọi là biến khắp ba thứ. Vì sao trong kinh Đại Niết-bàn không gọi thành mà gọi Đảo châu báu.

Đáp: Là nơi nghỉ tạm, phải có đầy đủ công đức cao quý, chân diệt mới gọi là Đảo châu báu. Xe vốn là vận chuyển đến quả, năng vận chuyển đến đều gọi là xe. Lại nữa, đã nghỉ ở thành, nên tìm cầu cái

khác, tìm chỗ không gọi là thành, còn vận tải gọi chung là xe, gần xa thì cũng gọi là xe.

2) Hỏi: Trí quả của Nhị thừa chia ra có xe dê, xe hươu. Diệt quả của Nhị thừa sao không hóa hai thành?

Đáp: Nơi nghỉ tạm đó nói hai thật có hai thành. Đối với thật mà nói giả nên gọi chung là một. Kinh Niết-bàn chép: Thanh Văn dùng tiểu Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, Duyên giác lấy trung Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Cho nên chỗ tạm nghỉ đó cũng gọi là hai thành. Nay lấy chỗ dứt chướng thì đồng, lý sanh không cũng đồng, giả trạch diệt cũng đồng. Do ba nghĩa đồng này, nên hóa thành gọi là một. Như xe Bồ-đề có căn tánh lợi đốn khác nhau, nương theo Phật và tự ra, nhờ giáo quán lí, quán đế duyên khởi khác nhau. Tứ quả nhất quả khác nhau. Luyện căn thời gian khác nhau. Sự nói pháp, thần thông khác nhau. Do bảy nghĩa khác nhau này mà nói riêng có xe dê, xe hươu.

Lại vô vi là không phân biệt, cho nên nói một thành. Hữu vi có phân biệt nên nói xe dê xe hươu. Nhưng nói vô vi chỉ nói nhất thành. Dùng trí nói rõ diệt nên nói hai thành, đều không mưu thuận.

3) Hỏi: Vì sao hóa thành lập ra ở con đường hiểm. Cho đến dẫn nêu các thứ xe đó lại ở ngoài cửa.

Đáp: Dứt khổ thì gọi là thành giữa đường, dứt khổ trong thành. Vô lậu là trói buộc, thể của xe gọi là ngoài cửa. Lại không còn phần đoạn sanh tử, biến dịch sanh tử ở hóa thành. Đầu tiên dứt ở trung đạo, lý xuất nơi giáo, quả xuất nơi nhân, hai xe đều ở ngoài cửa. Lại lấy hai đường sanh tử để đối chiếu thì hóa thành ở chặng giữa đường. Một là lấy chết để đối biện. Hai là xe ở ngoài cửa nên dường như lý thật.

4) Hỏi: Vì sao cho xe mà nói là đi chơi cho thành thì nói an tọa.

Đáp: Niết-bàn có thể chứng nên thành nói là an tọa. Bồ-đề có thể sanh nên nói là dạo chơi. Hai quả vô vi, hữu vi khác nhau. Lại, tướng thành an vị nên nói an tọa, tướng xe vận động nên nói dạo chơi.

5) Hỏi: Vì sao hóa ra thành rồi khuyên người vào đó trước. Nay nói xe là dụ cho mau ra khỏi. Đây ở đoạn văn thứ ba khuyên cho là khó phải không?

Đáp: Hóa Phật trụ tại sanh tử để khuyên người vào trước. Nói về Phật thật ở quả cho nên nói là mau ra lấy. Lại khuyên người tu hành chứng quả nên khuyên vào trước. Trước trụ vào quả để gọi mời nên khuyên ra khỏi. Lại khuyên con ở thành nên nói vào trước, khiến nhận lấy quả của cha nên nói mau ra. Lại nên chứng Niết-bàn cho nên khuyên là nhập vào khiến cho sanh giác trí nên nói là ra. Cũng như nói

Như Lai là Thiện thế trụ nhân trụ quả điều mong mỗi đều khác nhau.

- Kinh: “Bấy giờ các người con cho đến tranh nhau ra khỏi nhà lửa.”

- Tán: Đây là phần dụ thứ tư, y theo lời nói mà tránh được nạn.

Có hai:

1. Con tránh được tai nạn.

2. Tâm cha mới an.

Chữ Thích nghĩa là, vừa lòng, làm vừa lòng, người Ba thừa nên gọi là thích nguyện. Lỡng mỗi chúng đều mạnh mẽ tức là tâm tính tấn.

Dũng là tiến, nhuế là lợi là sắc bén là gốc lành là tinh tấn. “Xô đẩy lẫn nhau” là thân tinh tấn, cũng nói là ngữ tinh tấn vậy. Thân nghiệp ngữ nghiệp sách tấn cố gắng tinh tấn lẫn nhau gọi là cùng xô đẩy, tranh tu hành nghiệp thì gọi là đua nhau ruổi chạy, cùng mong thoát khổ gọi là tranh ra khỏi nhà.

- Kinh: “Lúc ấy trưởng giả cho đến vui mừng hơn hở.”

- Tán: Tâm cha liền an ổn.

Rời khỏi nơi nạn tai gọi là an ổn ra. Ở ngã tư đường là lí tứ đế. Ba thừa cùng quán lí tứ đế. Trong Đại Bát-nhã nói ngã tư đường là tứ đế, lìa phiền não chướng, ra khỏi phần đoạn sanh tử.

Không mái che gọi là trống. Mỗi pháp đều có ngôi vị sở y quả mãn gọi là đất. Lấy trí để an xứ chứng thì gọi là ngôi. Năm uẩn khổ hoặc nghiệp của phần đoạn sanh tử đều dứt. Hoặc đoạn hoặc bị hàng phục, lìa tam chướng gọi là không còn chướng ngại. Vừa với bốn ý của cha nên cha lòng thư thái, thấy các con đã thoát tai ách nên cha rất vui mừng. Người Nhị thừa đắc A-la-hán đoạn hết phiền não trụ vào hữu dư y Niết-bàn. Hàng Đại thừa đã nhập vào Sơ địa đắc vô trụ Niết-bàn, hàng phục phiền não, lìa phần đoạn sanh tử thì gọi là ngôi giữa đất trống không còn chướng ngại.

- Kinh: “Bấy giờ các cho đến nguyện thời ban cho...”

- Tán: Trên là dụ cho quyền biến trước kia. Dưới là dụ cho thật pháp bây giờ. Có hai: Trước dụ trao cho thật. Sau dụ cho giải thích nghi là phần hỏi đáp dưới. Trong phần đầu có bốn ý:

1. Các con xin ba xe.

2. Cha chỉ cho một.

3. Giải thích chí của cha thành tựu.

4. Vượt xa bốn tâm của con.

Ngoạn nghĩa là chơi giỡn. Hảo nghĩa là yêu thích, tốt đẹp. Tùy theo căn cơ Ba thừa đều có ở chỗ Phật chuyên ý mong cầu diệu trí ở

thừa của mình. Nghĩa này đồng với việc xin cha xe. Người Nhị thừa lìa phần đoạn sanh tử mà đắc giải thoát. Chứng pháp tứ đế nhập vào hóa thành thì gọi là ra khỏi nhà. Thường ở nơi Phật tu tập các chủng trí văn tư tu. Rõ hết các pháp cầu chứng thì gọi là cầu xin xe dê xe hươu. Các Bồ-tát: Y theo luận này từ Sơ địa trở lên tuy lìa phần đoạn sanh tử mà chưa chứng giải thoát thì không gọi là nhập thành. Không mỗi một cho nên không nhập vào hữu dư, không nói Bồ-tát nhập vào hóa thành. Nhập vô trụ Niết-bàn cũng dứt phần đoạn sanh tử, ví như gọi là nhập thành cũng chưa trái với lý chung. Nếu như vậy thì cũng nên cho xe dê, hươu nói trên. Như thế chỉ theo cách giải thích đầu tiên là tốt. Đã hàng phục phiền não, ra khỏi phần đoạn sanh tử, cũng chứng tứ đế, cũng gọi là ra khỏi nhà lửa ngồi nơi ngã tư đường. Cầu diệu trí của Phật cũng như cầu xin cha xe trâu.

Hỏi: Ba con cùng ra khỏi phần đoạn, chỉ người Nhị thừa tự xưng là vào thành. Các con lớn cũng ra khỏi nhà khổ. Như vậy thì cũng phải được gọi là nhập thành phải không?

Đáp: Không mỗi một nhằm chán nên các con lớn không nhập thành. Hàng phục hoặc, lìa phần đoạn sanh tử cũng được gọi là ra khỏi nhà. Nếu nói nhập thành thì cũng không khó.

Hỏi: Như các con lớn không vào thành thì vì sao được lên xe, mà không vào thành, các con vừa và nhỏ vào thành mà không lên xe?

Đáp: Vì nhằm chán cầu dứt khổ nên hàng trung tiểu vào thành. Đại thừa không nhằm chán khổ thì không gọi là vào. Chỗ dứt khổ nên nói Nhị thừa, còn Đại thừa thì không vào thành.

Hỏi: Ngoài cửa có xe, hứa cho ba thứ xe. Giữa đường lập Hóa thành, vì sao chỉ nói hai?

Đáp: Hai xe đối với đại là nhân nên ngoài cửa có để ba xe. Thành là phương tiện đối với quả thật, nên giữa đường hóa ra thành. Lý thì tương tự mà sở đối thì khác nhau, nên sự lập bày cũng khác nhau, thật thì không khác.

Lại kia không có chủng trí, muốn khuyên học Đại thừa nên ngoài cửa lập ra ba xe. Niết-bàn hữu dư người Đại thừa không cầu xin nên giữa đường lập ra hai ngôi thành. Nếu nhập mà không trụ thì không gọi là giả, chẳng phải hóa thành.

Hỏi: Ba xe đều cầu xin, thấy rõ sự cầu học đối với trí viên. Hai diệt không mong cầu lẽ ra không cầu dứt khổ.

Đáp: Đắc quả thì tự nhiên chứng diệt, nhập vào thành nên không nói mong cầu. Diệu trí tất cần dựa vào tu mà ra khỏi nhà lửa. Cho nên

phải xin xe. Lại vì ở quả tiểu được thành cho nên không cần cầu xin. Vì chủng trí chưa đắc được nên không cầu xin xe. Hoặc giải thích thể này: Người Nhị thừa nhập vào hóa thành nhưng chưa được xe nên hết lòng xin. Bồ-tát không vào thành mà cũng siêng cầu đến Bảo sư, nghĩa này có thể vậy. Đại thừa đến Đảo châu báu, theo lí cũng cần phải xin. Đối với hóa thành mà không xin cho nên không luận vì hể chuyên cầu là xin vậy. Xưa tương tuyên: Thành là nơi thật hóa ra để dứt khổ, cho nên không cầu xin, xe là việc hư tạo để xin. Nếu hiểu theo đây thì xe rời thành mà có khác nhau. Cầu không cầu nghĩa khác nhau. Cầu và không cầu nghĩa khác với thể của xe. Xưa giải thích là Thành hóa thành là loại xe phải xin.

Lại có nói giải thích: Xe phát ra từ quyền ban đầu, cho nên là hư tạo. Thành là để phòng giữa đường tâm lui sụt cho nên thật hóa. Đây cũng không đúng. Vì sao? Vì căn cứ bắt đầu xin xe đã ra khỏi nhà. Lại thể không khác thì hư thật làm sao lại khác. Nên nói thể của xe thành là pháp gì? Cũng có giải thích thành kia cũng nên xin. Sự giáo hóa chẳng phải một đường cho nên không nói. Như trong kinh ở dưới chép: Bấy giờ bậc Đạo sư biết mọi người đã được nghỉ ngơi, không còn mệt mỏi và có thể đi tiếp. Tức là xin thành. Đây là xin Đảo châu báu chứ không phải xin thành. Tuy là dẫn ra văn nghĩa này nhưng cuối cùng cũng khó hiểu, nên tìm hiểu kĩ! Lẽ ra giải thích. Văn dưới nói bậc Đại sư, biết chúng mỗi mệt nên hóa ra ngôi thành tức là nghĩa xin, hoặc có người giải thích xe là dụ cho vô dư Niết-bàn, quả trụ chưa đắc nên cần phải xin. Thành là dụ cho hữu dư Niết-bàn, quả trụ đã đắc nên không cầu xin. Nếu vậy thì Bồ-tát nay đã cầu xin xe cũng nên đã đắc hữu dư mà chưa đắc vô dư. Cầu vô dư nên gọi là xin. Nhị thừa không có nhậm vận chắc chắn được thì cần gì phải xin. Vậy thì chỉ nên theo nghĩa ở trước, cái gọi là Nhị thừa Niết-bàn không khác nhau, nên xe dê xe hươu là không có.

- Kinh: “Xá-lợi-phất! cho đến. đồng một xe lớn.”

- Tán: Đoạn văn này nói chỉ cho một xe. Chia ra làm bốn:

- 1) Cho xe
- 2) Tô điểm.
- 3) Hiển bày tướng trâu.
- 4) Chỉ rõ người theo xe.

Xe trâu quả Phật là lấy Nhất thiết chủng trí trong bốn trí làm tánh, tức là hậu đắc trí. Nhân của xe thì lấy chủng trí trong hai trí là Bình đẳng tánh trí và Diệu quan sát trí làm thể. Tuy năm trí tuệ đều là Nhất thừa,

ở đây chỉ lấy chủng trí trong tướng Bồ-đề làm thể. Nhất thiết trí thì rộng hẹp có khác mà ba thừa đều có, chứng trí đó phân biệt ra thành tứ đế thì mỗi đế đều có vô lượng tướng, Nhị thừa chẳng thể biết nên gọi là bất cộng đức. Cho nên, trong kinh thường nói rất ráo đặc Nhất thiết chủng trí. Vô phân biệt trí dẫn xe chủng trì này, nghĩa như xe trâu trước không phải là thể chánh của xe. Như biểu vô biểu tuy đều là giới, mà từ khi Tăng thọ giới cho đến trì giới sau đó chỉ nói là vô biểu. Một niệm biểu giới lại không có nối tiếp, khi tác bạch tứ yết-ma hòa hợp mà được. Khi theo Tăng xin đã được biểu giới. Biểu tuy là căn bản mà chỉ lấy vô biểu gọi là trì phạm giới. Xe này cũng vậy. Một đại sự trước dùng lý trí làm gốc Căn bản trí, Hậu đắc trí gọi dùng là Nhất thừa, mà nay lấy hậu trí gọi là xe, bản trí là trâu, không nói ở lý vì là thể của xe. Sau trong Hóa thành, lấy chân đối với hóa bèn nói giả trạch diệt cho là hóa thành. Nói diệu lý chân như của đại Niết-bàn làm Đảo châu báu. Mỗi mỗi đều căn cứ vào một nghĩa gọi là Nhất thừa, sự thừa, lý thừa, hữu vi thừa, vô vi thừa đều khác nhau, như thể của xe dê, hươu đã nói. Thể của xe đã vậy thì muôn đức khác cũng thuộc các tô điểm của xe. Nếu đồng như trong kinh Niết-bàn và Thắng-man nói, chỉ lấy chân như làm thể của xe, thì sao đều ban cho các con một xe. Lại vì sao nói sự khác nhau của tướng đức trang nghiêm, vì sao nói xe trâu đi mau như gió và sao có thể nói ta có xe lớn bảy báu như thế, lại nhiều vô lượng, tùy tâm ưa thích của các con mà cho? Nhưng các con nhỏ, vừa cũng đã ra khỏi nhà rồi, tuy chưa được xe trâu mà cũng vì con nói đại giáo, hoặc nhất định sẽ được, chẳng phải lúc ấy đã được giảng nói trí thể. Như cho hạt ngọc mà chưa đúc thể. Cho nên trong kinh Thắng-man chép: Bình đẳng ba thứ ý sanh thân tức ba đứa con vậy. Đây nói sơ địa tức là bất thối địa. Lại đốn ngộ, lại là nhân hạnh của Đại thừa, từ sơ phát tâm thì cũng gọi là xe. Nay Bát địa trở xuống là nhân hạnh. Bất thối Thất địa trở xuống vẫn còn phần đoạn. Vì thế bên dưới Kinh nói: Thanh văn, Duyên giác, Bất thối Bồ-tát cỡi xe báu vàng trắng đến đạo tràng. Phẩm Phương tiện giải thích nhập tức là Bất lui sụt địa. Nay lấy theo ý trước mà giải thích, thì từ sơ địa trở lên lia phần đoạn sanh tử gọi là Bất thối địa, gọi là nương Nhất thừa, kinh Lăng-già cũng do đây mà nói từ sơ địa trở lên gọi là ba thứ ý sanh thân.

- Kinh: “Xe đó cao rộng cho đến bốn phía đều treo linh.”

- Tán: Nói tô điểm xe, có mười thứ, trong đây có bốn:

1) Hình lượng.

2) Tô điểm.

3) Nhiếp ngự.

4) Treo linh.

Cao rộng là chỉ về hình lượng, chỉ cho thể chủng trí của Phật thể cao cả ba cõi, dụng rộng cả mười phương, giáo hóa chiếu soi khắp cả pháp giới. Các báu trang nghiêm đó là chỉ cho tô điểm, các công đức đều do trí làm căn bản.

Lan can bao quanh là ý nói nhiếp ngự. Ngoài chế ngự không nhập vào trong thu nhiếp không xuất ra, tức là bốn tổng trì. Ngự các điều ác không cho phát sanh, nhiếp các chúng thiện không cho tản mất, bốn mặt treo linh là chuông lắc, biến khắp tứ sanh nói bày biện tài mà rộng giúp.

- Kinh: “Lại ở trên đó cho đến. mà tô điểm cho đến”.

- Tán: Đây có hai thứ trang nghiêm là loại thứ năm và sáu: Giăng màn trên cao và các vật báu. Dùng tứ vô lượng rộng che hết chúng sanh như màn, lọng. Tô điểm lẫn lộn: Là các thứ ngọc báu. Từ bi hỷ xả đều có: Hữu tình, pháp, và vô duyên, hành ác đức v.v... giúp thêm tô điểm.

- Kinh: “Các dây báu nối kết cho đến. đặt yên gối đỏ”.

- Tán: Đây có bốn: Loại tô điểm tức thứ bảy, tám rữ chân anh lạc, chín là bày biện và người là, sắp đặt gối đỏ.

- Dây báu kết thắt là bốn hồng thệ nguyện, hễ có tu hành đều phát bốn đại nguyện:

1) Nguyện cùng chúng sanh tu các gốc lành này. Người chưa lìa khổ thì nguyện cho lìa khổ.

2) Chưa được vui thì nguyện cho được vui.

3) Người chưa phát tâm Bồ-đề, dứt ác tu thiện, thì nguyện cho phát tâm bồ đề dứt ác tu thiện.

4) Người chưa thành Phật thì nguyện sớm thành Phật. Nguyện như các thứ báu nối kết lại hành ác khiến sẽ đắc quả. Chắc chắn thù thắng cho nên tà kiến không thể làm khuynh tổn.

Trong kinh Thắng-man nói: Nhiếp thọ chánh pháp là nhiếp tất cả nguyện.

Du-già thì nói chung có hai nguyện. Nguyện cầu Bồ-đề và lợi lạc hữu tình.

Treo các thứ hoa báu đó là hoa báu rủ xuống, tức là bốn nhiếp. Rũ xuống nhiếp bốn sanh:

1) Bố thí

2) Ái ngữ

3) Lợi hành

4) Đồng sự.

Xưa có giải thích rằng tĩn lự là mềm mỏng, mềm mại, tâm thường yên ở. Vì trên dưới Tứ thiên khác nhau nên nói: “trái chống”. Lí này không đúng. Kinh Vô Cấu Xưng nói: Bốn tĩn lự làm giường, tịnh mạng làm nệm, thân ngữ, ý, nghiệp đều không có tâm tham phát, thường du hành, thương hành tịnh mạng, lìa năm tà mạng. ba nghiệp đều vậy gọi là trái chống, mà để yên gối đỏ lên

Xưa giải Niết-bàn có thể dứt sanh tử. Nay giải thích diệt định có thể dứt phan duyên. Để một mỗi tựa gọi là đặt gối. Đã an trên xe rõ ràng chẳng phải Niết-bàn, chỉ lấy diệt định. Gối có gối tiên đan tăng thêm tuổi thọ thì gọi là gối đỏ. Vô lậu diệt định cũng như thế, làm cho thêm lớn Thánh đạo. Lý này không đúng. Bên Tây Vực không có gối tiên đan, có có gối màu đỏ. Bên trong chứa các lụa chỉ, ngoài bọc da đỏ nên gọi là gối đỏ. Lại có nói giải thích: Thể tức là ngũ căn vô lậu: Tín, tấn v.v... giúp đỡ Thánh đạo nên gọi là chằm.

- Kinh: “Dùng trâu trắng kéo cho đến đi nhanh như gió.”

- Tán: Nói tướng trâu có bảy:

1) Trâu trắng: Thể tức là căn bản vô phân biệt trí dẫn dắt xe chúng trí, như trâu kéo xe vậy. Màu trắng là căn bản của các màu, như hoa sen trắng, tiêu biểu cho căn bản của các bộ kinh, là đứng đầu muôn đức. Trâu đầu đàn có ba đức:

a. Hàng oán: Có thể dứt hai chướng.

b. Đoan nghiêm: Các đức trang nghiêm.

c. Vận tải: Cứu độ tự tha cho nên dụ ở trâu mà không nói voi, ngựa. Đại thừa như ngựa tài giỏi tú không thể so với xe lừa chậm chạp của Tiểu thừa. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Lấy ngựa kéo xe, lấy voi để chỉ hình tượng đức lớn, so với đức nhỏ của các thứ xe trâu xe dê, xe hươu. Niết-bàn vô trụ là trên hết. Do đây mà trong kinh Thiện giới dùng voi để kéo xe. Nay vì trâu có ba đức để kéo xe Đại thừa nên gọi là trâu trắng.

2) Da thịt đầy đặn: Trong chánh trí nội đức đều tròn đầy.

3) Sắc sạch ba chướng dứt trừ hẳn giới đức đầy đủ.

4) Hình thể tốt đẹp: Tướng tốt tròn sáng, trời người đều yêu kính.

5) Có sức rất mạnh: Có ba ý:

- Rảo bước khắp phương. Trí lực đầy khắp, chẳng lý nào mà không đạt đến.

- Đi những nơi hiểm trở mà không mỏi mệt. Có thể hóa độ khắp

mười phương vào đường hiểm sanh tử mà không biết mỗi một.

- Gặp kẻ thù thì là vượt qua, phá tất cả chướng, hàng phục sanh tử. Đủ ba nghĩa này gọi là có sức mạnh.

6) Bước đi ngay bằng: Hai lý đều cùng chúng, dẫn sanh hậu trí, oán thân không hai.

7) Đi nhanh như gió: Thể tánh chánh trí trong một sát-na, duyên khắp pháp giới. Khởi tâm đại bi, bên trong đầy đủ các đức, ngoài giáo hóa chúng sanh, không có trì trệ. Từ sơ địa trở lên mau tiến tu quán quán không quán hữu chẳng còn vướng động.

Tánh tuy lạnh lợi, nhưng sự thì ung dung, bầy đức trên đây có dụng mà không phải căn bản chánh trí. Do đó mà có cho nên được tên kia.

- Kinh: “Lại có nhiều tội tố để hầu hạ.”

- Tán: “Nói về người tùy tùng, dùng nhị trí làm trước. Lục độ, tứ nhiếp, giác phần, giải thoát, phiền não các pháp lợi sanh, đều tùy theo đó mà khởi, nên gọi là nhiều tội tố theo hầu.

Kinh Phật Địa nói: Phật có vô lượng trời, rồng, Dạ xoa, nhân phi nhân v.v... cho đến thường theo giúp cũng nên gọi là theo hầu. Có chỗ giải thích thể của xe chỉ có Đại Nhập Niết-bàn, các thứ tô điểm khác hoặc chỉ là tánh công đức, hoặc tướng công đức. Thể của trâu là nhị trí kéo xe. Giải thích là trước là đứng như trước là không đứng.

- Kinh: “Vì sao? cho đến Thầy đều đầy ấp.”

- Tán: Thứ ba giải thích chí thành tựu của cha có ba ý:

- Nêu sự giàu có.

- Nghĩ sự quân bình.

- Giải thích lý do, ở đây là ý đầu.

- Sung mãn là đầy tràn, là đủ các thứ thể, các tạng hữu vi, vô vi là thể nghĩa năng hàm chứa, hoặc hai tạng ba tạng giáo năng hàm chứa lý. Nay cho con kho chứa .

- Kinh: “Mà nghĩ rằng cho đến không nên khác nhau.”

- Tán: Đây là suy nghĩ chia đều có hai ý:

- Không nên cho Tiểu

- Đều nên cho Đại.

“Nay những trẻ thơ này v.v...”: Là Mượn tướng niệm. Vô cực là nghĩa không cùng cực. Nói hai thứ trí là nói xe xấu kém. Do có chủng tánh trước phát đại tâm gọi là trẻ thời có khả năng sẽ thành Phật nên gọi là “con ta”. Lòng từ bi không hai nên gọi là “yêu thương không nghiêng lệch”. Dùng thất Thánh tài tô điểm nên gọi là xe “bằng bảy báu”, đều tự tu trí viên, trí hữu vi chẳng phải một nên gọi là “số nhiều

vô lượng” ứng với tâm bình đẳng tùy căn cơ mà trao cho nên nói “mỗi con đều cho”. Cùng trao pháp Đại thừa không nên có khác nhau. Chữ Đồng nghĩa là đồng tử. Xưa gọi đó là bộc, là đồng bộc, nay là bộc lệ. Nghĩa là trẻ con còn mê muội chưa khôn lớn.

- Kinh: “Vì sao? cho đến hưởng chi các con.”

- Tán: Đây giải thích lý do hết thiếu thốn. Đem Nhất thừa này cho hết chúng sanh năm đường hữu tánh vô tánh của một cõi Phật, định tánh, bất định tánh, còn không thiếu thốn, hưởng chi chỉ là con thật của Phật căn tánh Đại thừa và bất định, mà sợ không đủ hay sao?

- Kinh: “Bấy giờ các con cho đến chẳng phải điều trước mình mong”.

- Tán: Thứ tư: Vượt ngoài tâm mong muốn của con.

Đã nói là đều cưỡi xe lớn, là biết rõ mỗi con tự đắc chủng trí. Không giống như hóa thành mọi người đều vào.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến. là không đối gặt.”

- Tán: dụ trên là nói thật, dụ dưới là giải thích nghi. Tức như quyển trước nói.

- Các thầy nên tin hiểu lời Phật nói là không luống dối. Nghĩa là chúng nghi là: Đầu tiên Phật nói ba, sau chỉ nêu một. Trước sau khác nhau, vậy không nói dối sao? Cho nên ở đây giải thích ra. Văn có ba phần: Hỏi; Đáp; và Ấn chứng.

- Kinh: “Xá-lợi-phất thưa cho đến chẳng phải là luống dối.”

- Tán: Phần đáp có hai: Một là nêu ; hai giải thích. Đây là phần nêu.

Hàng phàm phu lìa dục, hàng phục phiền não thì gọi là tránh được hỏa nạn. Lìa ba đường ác ép ngặt cực khổ thì gọi là bảo toàn thân mạng.

- Chưa ra khỏi trời người, như ở trong nhà lửa mà vẫn toàn thân mạng.

- Kinh: “Vì sao? cho đến cứu độ họ.”

- Tán: Phần dưới giải thích có hai:

1) Tránh được nạn rồi thì chẳng phải đối gặt.

2) Hưởng chi đem cho Đại thừa.

Chỉ được toàn thân mạng ra khỏi ba đường ác, sanh về trời người, gặp được châu báu, hưởng chi tránh được tai nạn ra khỏi nhà lửa của trời người trong ba cõi.

- Kinh: “Thế tôn cho đến không đối gặt.”

- Tán: Hưởng chi đem cho Đại thừa.

Có hai:

- a. Không đắc tiểu chẳng phải là đối, vì không trái ý trước.
- b. Huống chi đem cho Đại thừa mà thành lỗi đối gạt.

Tâm trước là giả thiết. Hứa cho ba xe nay tuy không được tiểu mà không trái với ý giả thiết trước. Tâm cảnh chẳng trái nhau, nên chẳng thành luống dối.

- Kinh: “Huống chi Trưởng giả cho đến. cùng cho xe lớn.”

- Tán: Huống chi đạt Đại thừa, mà thành đối gạt.

- Kinh: “Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến. như lời ông nói.”

- Tán: Đây là lời ẩn khả.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến. cha của thế gian.”

- Tán: Đoạn lớn thứ hai là hợp nói: Có hai:

a. Hợp quyền giáo trước

b. Hợp thật pháp bây giờ.

“Xá-lợi-phất! Như trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà cho đến.”.

Đoạn văn này có bốn ý:

1) Ba cõi, Phật có hợp.

2) “Vì độ chúng sanh sanh già cho đến.” Là hợp năm đường nguy nan.

3) “Thấy các chúng sanh vì sanh già bịnh chết cho đến” là hợp thấy lập phương tiện quyền biến.

4) “Xá-lợi-phất! Như có chúng sanh bên trong có trí tánh cho đến” là hợp theo lời Phật dạy mà tránh nạn.

Dụ đầu tiên có sáu ý: Xứ sở; chủ nhà; già suy yếu; tài sản; tướng nhà và cửa.

Nay hợp có năm không có phần cửa. Trong văn này có hai: Cửa tất cả thế gian là hợp nghĩa xứ sở. Là cha hợp nghĩa chủ nhà.

Thế gian tức là hữu tình thế gian và khí thế gian. Kinh Vô Cấu Xứng nói: Chư hữu tình, cõi là cõi phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ tát, cho nên dùng hai thứ thế gian này gọi là cõi nước Phật. Con người là căn bản, cha (phụ) có nghĩa là người sanh dưỡng, khiến cho chúng sanh sanh trưởng gốc lành, kế tục ngôi vị Phật. Cho nên gọi là cha.

- Kinh: “Đối với các sự sợ hãi cho đến. vô lượng tri kiến.”

- Tán: Phần ba hợp nghĩa tài sản bên trên. Đây hợp nghĩa (nhiều ruộng. Hết các sự sợ hãi v.v... là hợp về ruộng đoạn. Vô lượng tri kiến hợp nghĩa ruộng trí.

Sợ hãi có năm thứ:

1. Lo sợ không đủ sống nên phân biệt tài sản của ta mà khởi ái

chấp.

2. Sợ ác danh, hành không lợi ích nên vọng khởi lo sợ.

3. Sợ chết, do đó có ngã kiến, khởi lên tưởng mất hoại.

4. Sợ trong đường ác không gặp Chư Phật, khởi lên nghiệp ác .

5. Sợ khiếp chúng, thấy đã chứng thấp kém, người hơn mình mà khởi suy não lo nghĩ là các khổ phá nhà diệt vong.

Trên đã hợp nói về quả khổ sanh tử. Vì vô minh che lấp, si ám thêm lớn làm căn bản cho hoặc nghiệp. Đây là nhân của khổ không rõ việc từ trước đến nay. Vô minh che lấp như thế, mê hoặc Tam bảo như thế. Do chứng lý dứt hoặc, vĩnh viễn hết sạch. Cho nên các pháp vô vi đoạn đức tròn đầy. Thành tựu được trí kiến trí đức tròn đầy.

- Kinh: “Lực vô sở úy cho đến Ba-la-mật.”

- Tán: Đây trở xuống hợp nói của giàu vô lượng. Nội đức trí tuệ, và phương tiện khéo léo, đều đã đầy đủ đến bờ kia. Phần trên là tổng hợp về tài sản. Theo kinh Vô Cấu Xứng nói thì phiền não là tội tở. Nếu theo kinh này thì ngoài hóa thân thông cho là tội tở, dùng trí tuệ sách tấn, nhân đó mà nói.

- Kinh: “Đại từ đại bi cho đến thường cầu việc thiện.”

- Tán: Thứ tư là hợp: Nói tuổi cao suy yếu. Tướng của người già rất là thương xót, nên gọi là đại từ đại bi. Việc làm không phế bỏ, nên thường không có lười mỏi. Hễ làm việc gì đều quán xét suy lường rõ ràng, có trước có sau mà không bỏ phế giữa đường. Thế nên các việc đều có khuôn phép thẳng pháp, thường cầu việc thiện. Trong đây tức là nói ân đức đoạn đức, trí đức, như thứ lớp đã nêu ra ba thứ Trưởng lão trước. Tự tha đều lợi ích. Đây là tiêu biểu cho việc tu nhân đã lâu nên bi trí đầy đủ.

- Kinh: “Lợi ích tất cả cho đến nhà lửa cũ mục.”

- Tán: Thứ năm là hợp nói tướng nhà, cũng hợp nói nhiều nhà.

Cùng khắp ba cõi, vì lợi ích chúng sanh trong năm đường, nói về trong đó cho nên trong dụ trước có nói: Ta và các con nếu không cùng ra”. Tức nói về làm chúng sanh ở trong sanh tử. Nói về ở thân ngày nay mới ra khỏi nhà lửa. Đây là nói lý do vào nhà. Cũng có giải thích lợi ích tức là nhà cửa. Phật vì muốn lợi ích chúng sanh cho nên cùng vào nhà lửa. Chúng sanh vì nương vào lợi ích mà ra khỏi nhà. Tức là giáo hạnh nhất thừa.

- Kinh: “Vì độ chúng sanh cho đến Tam Bồ-đề.”

- Tán: Đoạn lớn thứ hai hợp dụ sự nguy vong trong năm đường, dụ này có bốn:

1. Vì độ chúng sanh hợp nói rất nhiều người.
2. Vì sự sanh già bệnh chết ưu bi khổ não hợp nói nhà hư mục nguy ách.
3. Ngu si ám chướng trong nhà lửa ba độc hợp nói tai nạn xảy ra khắp phía.

4. Vì muốn giáo hóa khiến đắc quả Tam Bồ-đề hợp nói cùng chúng sanh rảo chơi ở trong đó, sanh già bệnh chết ưu bi khổ não là dụ cho khổ và vô thường trong tứ uẩn. Trong ngôi nhà mục nát nguy hiểm, mỗi mỗi đều có sanh già bệnh chết. Nếu thứ lớp hợp nói nhà cửa thì nghĩa nguy cũ hơi khó biết. Hoặc trong nhà nguy hại mà có mất mát. Theo thật pháp thì nhà mục này lý chung cả ba cõi. Nghĩa tứ uẩn như trước đã giải. Nay lấy bốn tướng lầm lỗi biến lưu trong cõi Dục mà hiển bày ba cõi khổ, là để cho chúng sanh nhàm chán sâu xa việc sanh già bệnh chết. Do đó mà nói sanh già bệnh chết là ngôi nhà hư hoại tội lỗi. Nếu không như vậy thì vì sao tai nạn nguy ách lại nổi lên các phía. Có cả phiền não trong ba cõi cùng trong nhà mục nát này, chỉ nói khổ quả trong cõi Dục.

- Các con vui chơi trong đó đều có đại tánh: Đó gọi là trưởng giả mẹ sanh con thật. Trước chưa phát tâm thì gọi là con của ba cõi. Sau khi phát tâm thì dần dần đắc quả Bồ-đề.

- Kinh: “Thấy chúng sanh cho đến. thọ các điều khổ.”

- Tán: Đoạn văn thứ ba: Thấy rồi thì lập tìm phương tiện. Đây hợp với dụ trên có bốn:

1. Thấy khổ, tâm từ bi sanh.
2. Khai thị Đại thừa mà không mong nhận .
3. Nghĩ cách cứu giúp.
4. Chính nói về Ba thừa.

Đây hợp cũng có bốn:

1. Hợp sanh từ bi.
2. “Xá-lợi-phất! Phật đã thấy việc này rồi liền nghĩ: Ta là cha của chúng sanh,” hợp nói Đại thừa không được.
3. “Xá-lợi-phất” Như Trưởng giả kia tuy thân tay có sức mạnh mà không dùng được. Là Hợp nói suy nghĩ tìm cách cứu khổ ở trên.

4. Nói: Các người không nên ưa ở trong ba cõi, hợp ở trên nói chánh nói pháp Ba thừa.

Trong thí dụ đầu có hai:

- 1) Bi sanh.
- 2) Sự bi thương.

Trong đây “thấy các chúng sanh là hợp với bi sanh “bị sanh già bệnh chết” hợp nói các sự bi. Trong sự bi đầu tiên hợp nói tướng khổ, sau nói tham đắm ưa thích. Đầu tiên nêu bảy tướng khổ trong cõi Dục. Sau nêu các tướng khổ như thế trong cõi Sắc và Vô sắc. Sắc và Vô sắc đều có đầy đủ khổ thứ tám là lược nhiếp tất cả năm thủ uẩn khổ.

Nói khổ cõi Dục có bốn:

1. Bốn tướng cùng xâm phạm.
2. Ngũ dục trái nhau.
3. Lửa san tham thiêu đốt
4. Luân hồi các đường.

Ba khổ trước là khổ hiện đời. Một khổ sau là khổ đời sau.

Lại bốn tướng xâm phạm tức bốn khổ? Ngũ dục trái khuấy nhau, lửa san tham thiêu đốt tức là khổ mong cầu không được. Trong năm đường luân hồi mới biết là ái biệt ly khổ oán tăng hội khổ, cùng các thứ khổ, tức là lược nhiếp tất cả năm thủ uẩn khổ như là nhiếp chung hết tất cả bát khổ. Văn này ý nói là bốn tướng xâm phạm nhau, ngũ dục trái khuấy. Trong dụ trước thấy nhân lửa cháy mà kinh tâm. Trong hợp này do thấy quả khổ mà ý bi khởi cả trước và sau đều là sự đáng thương. Nhân trước quả sau đều là ép ngặt, đều là khởi từ bi vậy, đều nên nhằm chán vậy.

Đối pháp nói: Sanh khổ là sở y của các khổ, bị các khổ ép ngặt: Ở trong thai chín tháng mười tháng đó là thai tạng, như ở trong hầm phần uế chịu sự nóng lạnh lâu ngày khổ sở. Vào lúc sanh thực tạng như hai ngọn núi ép ngặt. Chính lúc hưởng về cửa sanh thật là khổ nạn, lúc gió nổi lên như ngọn đao cắt vào thân thể, bất giác thất thanh, quên hết những sự việc trước kia của mình. Đây gọi là sanh khổ. Già khổ là lúc các phần biến dịch, thân nặng nề các căn mê yếu. Da dẻ nhăn nhúm đi đứng gượng gạo ăn ngủ bất an. Ngồi đứng rên rỉ ho hen khí nghịch việc làm thì chậm chạp bị người xem thường. Thế tình còn nặng mà thế sự đã dứt. Đó là lúc lão khổ. Bệnh khổ là lúc bốn đại thay đổi trái ngược. Trăm đốt đau nhức tứ chi khổ sở, làm hoại tất cả các việc an lạc vui vẻ. Như mưa đá làm hư hoại các mầm non. Do đây mà trong kinh nói: Như người thanh niên trai trẻ được vương phi trộm yêu mới làm chuyện tư thông. Vua bắt được sai người móc mắt, cắt hết tay chân tai mũi, hình dung bồng chốc trở nên xấu xí ghê tởm. Bệnh khổ ép ngặt như thế thật là khó kham. Đây gọi là bệnh khổ.

- Tử khổ là lúc tuổi thọ biến hoại gió đao cắt lìa thân thể, chẳng có chỗ nào mà không đau khổ. Miệng há hốc, thở vội tay chân bắn loạn

trông mắt láo liên, tay quờ quạng hư không, mồ hôi, tiện ứ lưu xuất đầm đìa.

Kinh Niết-bàn chép: Tử là nơi hiểm nạn không có tư lương, như đi trên đường xa mà không có bạn lữ. Ngày đêm đi mãi không biết ranh giới, thăm thẳm tối đen không có ánh đèn. Không có cửa vào không có chỗ ở, tuy không đau đớn cũng không thể trị lành, đi không có chỗ dừng, đến mà không được thoát. Không chỗ phá hoại biết đó là sâu độc, chẳng phải là ác sắc xấu mà khiến cho người lo sợ, kêu ở bên tai mà không hay biết. Đó là tử khổ. Xưa tuy là nhờ việc tắm gội cuối cùng cũng trở về bất tịnh. Xưa mượn cái thứ hương nay cũng trở thành nhơm gớm. Xưa lúc còn vương vị tài sản của báu đầy đầy, thân tộc thê thiếp muôn ức. Bây giờ buông bỏ hết chỉ một mình ra đi sau không còn ai theo. Đặt vào áo quan thân hình bị chèn ép. Cha mẹ vợ con sầu não kêu khóc, bốn phía đầy người thương tiếc. Xưa vì vợ con mà đấu tranh giành giật tài sản. Vì thân tộc mà kết oán thù, tranh vinh hoa mà hại mạng người. Nay lạc trong đêm dài tăm tối chỉ một mình chịu tai ương làm ác, còn vợ con an nhiên buông lung. Xưa làm ác cũng vì vợ con. Nay sa vào ba đường vì sao chỉ riêng mình chịu khổ. Thật là đáng thương xót! Không đáng sợ sao? Đó gọi là chết khổ.

Ưu bi khổ não: Kinh Đạo vu nói: Kêu thương bi cảm những việc đã qua gọi là ưu. Suy tư nối tiếp gọi là bi. Việc khổ ép ngặt gọi là khổ phiền não trói buộc gọi là não.

Kinh Thập Địa nói: Lúc chết biệt ly. Người ngu tâm nóng nảy tham đắm gọi là ưu, kêu thương khóc lóc gọi là Bi. Năm căn đối nhau là khổ, ý căn đối nhau gọi là ưu. Ưu khổ càng nhiều thì gọi là não. Cũng vì tài lợi ngũ dục mà chịu khổ não. Loài chim do tìm thức ăn mà mất mạng. Con người vì tài vật mà bỏ mình.

Kinh Vô Lượng Thọ chép: Người thế gian không ruộng đất nhà cửa mà sanh ham muốn, cũng là ưu. Có ruộng nhà mà san tham giữ lấy cũng là ưu. Ngũ dục tài lợi cũng như vậy. Sợ sự xâm nhập của năm nhà. Lo bị bốn điều gần cướp đoạt cho nên mới sanh khổ.

- Kinh: “Lại vì tham đắm cho đến. oán tắng hội khổ.”

- Tán: Vì lửa san tham ép ngặt mà luân hồi qua các đường.

Tài của đạt được thì tham đắm, vật chưa được thì lo tìm cầu, cho nên sanh các khổ. Ngũ dục nói ở trước cũng tức là mong cầu không được khổ này. Trong luận Kim cương Bát-nhã giải thích rằng; bố bảy báu thí khắp hằng hà sa giới không bằng trì kinh này dù chỉ một hoặc bốn câu kệ. Do nơi tài của mà sanh ra ưu não, như vì trần khắp thế giới

cho đến. cho đến trì kinh mà diệt trừ phiền não. Như vậy thí tài vật thì phước ít, trì kinh thì phước nhiều, sự khổ của năm đường luân hồi sẽ giải thích trong phần tụng. Sự nghèo cùng khổ chỉ có ở nhân gian. Ái nạn, oán tắng hội khổ có cả trời người. Thiên tử có cường lực vào cung trời, đoạt lấy vợ và đuổi người ra khỏi cung.

Trong Du-già quyển thứ bốn nói đầy đủ các việc khổ của chư thiên năm đường các tướng khổ địa ngục trong tụng sẽ nói. Vì trong cảnh giới trời người rất thù diệu thường có ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cho nên nói riêng.

- Kinh: “Các thứ khổ như thế cho đến”

- Tán: Trên đã nói đầy đủ bảy thứ khổ ở cõi Dục như thế. Các khổ năm đường ở hậu thế hiện tại cũng có ba khổ. Cõi Sắc chỉ có loại khổ, hành khổ, có lạc, xả. Đối pháp dẫn kinh nói cõi Sắc có hoại khổ gọi là nhập biến hoại tâm. Vô sắc chỉ có hành khổ, không có lạc thọ. Cõi Dục đầy đủ cả tám khổ. Cảnh thượng giới không có bảy khổ trước.

- Kinh: “Chúng sanh chìm đắm trong đó cho đến không lấy làm lo.”

- Tán: Đây là hợp nói ưa thích mê đắm, không dùng Trí trí giác, không dùng Hiện trí để biết, không lo quả, không sợ nhân, không nhàm chán khổ, không cầu giải thoát. Do đây mà rong ruổi theo dòng thiện ác chưa hề lấy đó làm lo. Cũng như người ngu vui chơi cùng phân hoại, như kẻ si chạy chơi vào hầm lửa. Chẳng vì tro bụi mà cho là xấu hổ, há là vì lửa thiêu mà lấy làm khổ sao?

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến cho đến khiến cho kia vui vẻ dạo chơi.”

- Tán: Đây hợp nói khai thị Đại thừa mà không cầu. Dự trước có bốn:

1. Suy nghĩ quả Đại thừa để hóa độ.
2. Niệm nhân Đại thừa để hóa độ.
3. Tùy chỉ hành Đại thừa để hóa độ.
4. Không mong cầu hóa độ Đại thừa. Đây hợp có ba, không có phần tùy chỉ hành Đại thừa để hóa độ.

Trước tiên hợp với du đầu, kể đến “Xá-lợi-phất, đức Như Lai lại nghĩ.” là hợp với dụ thứ hai. “Vì sao” hợp với dụ thứ tư. Trí tuệ lạc của Phật, hợp với thân có lực, hoặc dùng bàn ghế để cứu liên các khổ của Độc giác, khiến cho được vui chơi. Đó là hợp với tay có lực, dùng tay áo bỏ liên các khổ của Thanh văn. Nghĩa này ý nói: Lại dùng trí tuệ quả Phật và diệu dụng đại thần thông, cứu nạn nhị thừa ra khỏi khổ não

vậy?

- Kinh: “Xá-lợi-phất! cho đến vì thế được độ.”

- Tán: Hợp suy nghĩ dùng nhân Đại thừa hóa độ. Nhà chỉ có một cửa, Bồ-tát thì có thể ra được. Nếu ta trao liền cho trí tuệ, thần thông, vì nói nhân Đại thừa để hóa độ hai con, bỏ phương tiện nói ba thừa thì Nhị thừa căn khí nhỏ không thể y theo hành trì mà được qua các khổ? Cửa đã nhỏ hẹp, hoặc sẽ bị đọa lạc. Ý này cũng hợp với việc thăm nói sự sợ hãi, không để cho lửa bị thiêu đốt.

- Kinh: Sở dĩ vì sao cho đến. Trí tuệ của Phật.

- Tán: Hợp với việc không mong cầu hóa độ Đại thừa. Phật tuệ đã sâu làm sao có thể hiểu. Nhị thừa trí cạn nên không mong cầu.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến xe lớn trên báu.”

- Tán: Đây là đoạn lớn thứ ba.

Hợp với việc suy nghĩ tìm cách cứu khổ. Có hai: Đầu tiên dụ sau hợp.

Không dùng trí tuệ lực thân, cũng không dùng thần thông lực tay, chỉ dùng lời nói làm phương tiện để khuyên giải cứu độ các con. Sau khi ra khỏi nhà mới cho xe lớn. Đây nói Phật vì duyên tự tu diệp hạnh mới ra khỏi sanh tử. Cho nên tự thân nỗ lực, chẳng phải do Phật lực hoặc bản thân không tu thân mà có thể được thành Phật.

- Kinh: “Như Lai cũng lại như thế cho đến Phật thừa”

- Tán: Đây là hợp nói nhiếp cả trí và thông. Chỉ hành trì phương tiện khuyên thoát ra ba cõi. Như thầy thuốc ứng theo bệnh mà cho thuốc. Chỉ dùng phương tiện dạy biết như thế nào. Thầy thuốc đâu thể dùng dao tay cắt mổ bệnh nhân mà không dùng thuốc sao?

- Kinh: “Mà nói: cho đến. Sẽ bị thiêu đốt.”

- Tán: Đây là đoạn lớn thứ tư. Hợp chánh nói Ba thừa có bốn:

1. Khuyên nhàm chán ba cõi.
2. Khuyên giữ Ba thừa.
3. Dẫn việc mình đã chứng.
4. Khen ngợi thắng đức Nhất thừa.

Nhà lửa ba cõi là nội thể vậy xấu cũ, là ngũ trần ngoại cảnh Phật khuyên lia thể của quả khổ trong ngoài, chớ sanh tham đắm. Do tham đắm mà bị phiền não thiêu đốt khổ sở chuyển sanh, Phật khuyên bỏ nhân ác. Tuy có nội thể diệp quả của thân Kim cương. Ngoài hiện ngũ trần Tịnh độ nhỏ nhiệm khởi tâm ưa thích mong cầu, mà chưa nói rõ.

- Kinh: “Các người mau ra khỏi ba cõi cho đến. Phật thừa.”

- Tán: Khuyên giữ pháp Ba thừa.

- Kinh: Ta nay vì ông cho đến. dụ tiến chúng sanh.

- Tán: Dẫn mình làm chứng.

Bảo là sẽ, là tín, là chứng vậy. Nhậm là bảo, là an là có thể là trì.
“Cho ông để làm bảo tín chứng minh, an ổn có thể nhậm trì, nói có thể
bảo chứng, cuối cùng không luống dối”.

Các thầy chỉ giữ chớ sanh nghi hoặc, pháp Ba thừa thật là hảo pháp. Ta vì các thầy mà bảo chứng. Ông chỉ giữ gìn siêng năng tinh tấn. Như người thế gian mua vật mà không có bảo tín thì biết vật đó không thật. Có bảo đảm mua thì biết đó là vật tốt. Pháp Ba thừa cũng vậy ta có thể bảo chứng. Sanh tử chẳng phải thật ta không thể bảo chứng.

- Kinh: “Lại nói rằng cho đến. không chớ y cầu.”

- Tán viết: Khen ngợi thắng đức của thừa.

Đầu tiên nói khác nhau sanh tử, sau nói thắng đức của thừa. Đây nêu phần một. Việc sanh tử chư Thánh đều quả trách. Pháp Ba thừa chư Thánh đều khen ngợi, sanh tử ràng buộc làm tăng thêm phiền não không thể tự tại. Ba thừa vô lậu, cho nên không bị ràng buộc, đó mới là tự tại. Pháp hữu lậu gọi là hữu y. Dị thực quả y theo nhân mà có, dị thực nhân y theo quả mà thành. Sanh tử hữu lậu thù thắng là hàng trời người. Có sở cầu gọi là ba thứ cầu. Pháp ba thừa thì không như vậy, chẳng phải cầu giữ không vì mất mà cầu. Chẳng vì không mất mà không cầu. Ba thứ cầu là:

1) Dục cầu.

2) Hữu cầu.

3) Tà phạm hạnh cầu.

Luận Du-già nói: Rơi vào dục cầu đó: Tất cả đều là ba thứ dục sanh ra, lại không có tăng giảm. Ba thứ dục sanh là:

a) Hiện trụ dục trần sanh. Nghĩa là người và các vị trời ở cõi trời tri túc trở xuống.

b) Tự biến dục trần sanh – tầng trời thứ năm cõi Dục.

c) Tha biến dục trần sanh – tầng trời thứ sáu cõi Dục.

Đọa vào hữu cầu thì đều vì ba thứ lạc sanh:

a) Ly sanh hỷ lạc thấm nhuần thân.

b) Định sanh hỷ lạc thấm nhuần thân.

c) Dĩ ly hỷ lạc thấm nhuần thân.

Ba định đầu đối với không khổ không vui, nơi vắng lặng sanh mà khởi thoát cầu đó thật là ít. Cho nên định thứ tư không lập là sanh.

- Tà phạm hạnh cầu là các chúng ngoại đạo cầu bốn vô sắc cho là nơi Niết-bàn giải thoát. Nay chẳng phải vì ba cầu này nên gọi là vô cầu.

Tuy có cầu phạm hạnh mà cầu vô lậu. Tức là cầu chánh phạm hạnh vô thượng, chẳng phải là cầu tà phạm hạnh.

- Kinh: “Nương ba thừa này cho đến an ổn vui sướng.”

- Tán: Nói rõ về thắng đức của thừa. Chánh thừa nương rồi vẫn dùng ngũ căn, ngũ lực, thất giáo chi, bát Thánh đạo, tứ thiền cửu định, bát giải thoát, tam Tam-muội v.v cho đến mà tự vui vui sướng, liền đắc vô lượng an ổn vui sướng. Há như là sanh tử nhiều khổ hoạn sao?

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến. ra khỏi nhà lửa.”

- Tán: Đây là đoạn lớn thứ tư. Hợp với: Nương vào lời dạy mà tránh khổ nạn, Ba thừa chia ra làm ba, mỗi pháp đều có hai: Đầu là pháp, sau là hợp. Đây là đoạn văn đầu. Mỗi pháp đều có bốn lực. Nội trí tánh là nội lực vậy. Tánh là chủng tánh, Phật, Thế tôn là lực bạn lành. Phật làm duyên cho nên gặp được Phật, không gặp Phật thì phải nương vào Phật pháp mới được phát tâm nên gọi là lực bạn lành. Nghe pháp tin thọ là tác ý lực, vì tập chủng tánh; hết lòng tinh tấn là tư lương lực. Lặng tĩnh cần làm đầu để nhiếp tất cả hạnh. Nương vào tứ thắng lực là nhân, bạn lành, tác ý, tư lương. Chuyên tự tu học cầu nơi Niết-bàn thì gọi là Thanh văn thừa. Nghe pháp tự hành trì mà không thể hóa tha thì gọi là tự cầu, chẳng phải là không cầu Phật mà làm đệ tử.

Trong Du-già giải thích: Âm thanh Thánh giáo của chư Phật đứng đầu. Từ thầy bạn nghe được giáo thanh này mà chứng Thánh quả, nên gọi là Thanh văn, đây là y chủ thích. Trong phẩm Tín hiểu nói: Dùng âm thanh Phật giáo để tất cả đều nghe, nên gọi là Thanh văn. Đây là y Chủ thích hoặc hữu tài thích.

Trước có cả định tánh sau là bất định tánh. Đây vì cầu Niết-bàn lấy chủng trí sở học mà gọi là thể của xe. Chẳng phải lấy Niết-bàn làm thể xe. Ở đây chỉ nói lược :

- Kinh: “Nếu có chúng sanh cho đến ra khỏi nhà lửa.”

- Tán: Đây chỉ có ba lực, lược qua không có lực nhân.

Cầu tuệ tự nhiên đó là không cầu đồng ra đời một thời với Phật. Chẳng phải thấy Phật rồi mới đắc quả, như có kinh nói là: Khi Phật Thích-ca ra đời có năm trăm vị Độc giác từ trên núi xuống đi đến chỗ Phật. Thế nên trong kinh Nhân Vương nói có chúng Độc giác, các vị này trước thành đạo rồi sau mới thành Phật, chẳng phải như chúng Thanh văn nương theo Phật mới đắc đạo. Cho nên nói tinh tấn cầu tự nhiên tuệ, có thể chứng đạo. Chỉ thích nơi yên tịnh một mình là Độc giác. Ra đời không có Phật mà có thể chứng đạo, tự mình khéo chứng lý vắng lặng. Lại từ tuệ này mà biết rõ nhân duyên của các pháp. Đó là nghĩa

Duyên giác. Cho nên trong luận Du-già chép: Quán duyên đối đãi mà chứng Thánh quả nên gọi là Duyên giác, do quán mười hai duyên khởi mà chứng quả.

- Bích-chi-phật Hán dịch là Độc giác, có hai thứ: Một bộ hành; hai lân giác.

Loại đầu tiên thấy Phật, loại sau không thấy. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát tại cung trời Đâu-suất, lúc sắp hạ sanh có hiện ra mười tướng. Tướng thứ ba là bày tay mặt phát ra đại ánh sáng. Thế giới tên là Nghiêm tịnh, trong tam thiên giới, nếu có Độc giác, gặp ánh sáng này thì phải mau nhập vào Niết-bàn. Nếu không thì Phật lực ánh sáng sẽ dời đi đến các Cõi nước khác của chư Phật, nên không được thấy Phật.

Nói Độc giác đầy đủ trăm kiếp thì thành Lân giác, không vậy thì là Bộ hành. Nếu từ Thanh văn tu hành phần vị giải thoát mà đắc quả Độc giác thì thành ra dụ Lân giác. Đợi đến trăm kiếp thì còn dài, cho nên vào bốn góc lành mà thành Độc giác chính là Bộ hành, thì thời gian ít hơn. Độc giác là đợi duyên mà giác ngộ. Đều là y chủ thích.

- Kinh: “Nếu có chúng sanh cho đến gọi là Đại thừa.”

- Tán: Trong phần pháp nói đầu nói có hai ý:

1) Giải thích Đại thừa.

2) Giải thích Bồ-tát thừa.

Nhất thiết trí là quán Không trí. Trí này ba thừa đều có. Phật trí là quán trí hữu sự, chỉ có Phật là thành tựu. Do tự giác mà sanh ra hai trí này, thì gọi là Tự nhiên trí, không đợi duyên ở người khác gọi là Vô sư trí. Hoặc trí tánh gọi là tự nhiên trí. Trí tướng gọi là vô sư trí. Cầu các quyền thuộc tri kiến như lược, vô úy cho đến là nội đức. Ngoài có thể làm lợi sanh khởi niệm thương xót ban vui, làm lợi ích cứu khổ. Trước từ sau bi, hạnh giải rộng lớn nên gọi là Đại thừa.

- Kinh: “Bồ-tát cầu thừa này cho đến. ra khỏi nhà lửa.”

- Tán: Giải thích Bồ-tát thừa và dụ.

Bồ-tát là tên gọi chung của Ba thừa. Nếu cầu thừa này thì thêm Ma-ha-tát, là đại hữu tình. Các thứ khác không gọi như vậy.

Luận Niết-bàn của ngài Vô Trước chép:

- Do tương ứng với bảy thứ tánh mà thêm chữ Ma-ha-tát. Cầu trí là Bồ. Mẫn niệm là Tát. Trong ba thừa này mỗi thừa đều có một loại một tánh, ba thứ hai tánh, một loại ba tánh. Chủng loại tánh định, bất định tánh đều khác nhau. Sơ, hậu phát tâm đắc quả bất định như ngài Đại Ca-diếp nếu không gặp Phật thì chỉ là Độc giác. Do gặp Phật tu hành

Thanh văn. Ngài Xá-lợi-phất dựa theo đây mà biết.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến mà ban cho các con.”

- Tán: Đây là đoạn lớn thứ hai hợp nói thật pháp ngày nay. Có hai:

a) Hợp nói thật.

b) Hợp giải thích nghi.

Dụ trước có bốn, nay chỉ hợp có hai:

a) Hợp giải thích thành tựu chí của cha, là các chúng sanh.

b) Hợp cha chỉ cho một xe, không hợp các con xin ba xe, vượt ngoài điều con mong muốn.

Phần đầu lại có hai:

a) Nêu dụ trước.

b) Dùng pháp hợp.

Trong phần dụ có hai:

Thấy con được ra, tâm thư thái, ông tự nghĩ cho đến. Hợp với thành tựu chí nguyện của cha.

- Kinh: “Như Lai cũng giống như thế cho đến đắc Niết-bàn lạc.”

- Tán: Hợp với chí cha. Cũng có hai:

a) Hợp thấy con được ra, tâm thư thái.

b) Hợp giải thích thành tựu chí cha.

Dùng giáo làm cửa mà ra khỏi nhà lửa ba cõi. Vì hành trì làm cửa mà nhập vào quả Niết-bàn. Trong đây chỉ có giáo môn ra khỏi nhà lửa, không nói hành môn. Giáo cũng có thể nhập vào lý. Đây chỉ nói ra mà không nói nhập. Cũng có thể nói được vui Niết-bàn tức gọi là nhập.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Như Lai cho đến Mà diệt độ họ.”

- Tán: Đây hợp với giải thích thành tựu chí nguyện của cha. Con đã không sai khác thì nên đều cho Đại thừa. Vì sao chỉ có Bồ tát đắc diệt độ của Phật, mà không cho Nhị thừa, lẽ ra dùng đại nhập Niết-bàn của Phật mà bình đẳng diệt độ cho chúng, không để cho một Bồ tát đắc, còn hai thừa kia thì không đắc.

- Kinh: “Các chúng sanh cho đến Đây đủ sự vui.”

- Tán: Hợp nói cha chỉ cho một: Có hai ý: Thể và đức của xe.

Đều cùng với chư Phật: Nhị thừa bất định và Bồ-tát tánh. Cũng đồng với giải thoát thiền định của Phật thừa. Nhất thừa trang nghiêm muôn thiện đầy đủ.

- Kinh: “Đều là một tướng cho đến là vui bậc nhất.”

- Tán: Đây nói về Đức của xe. Xe Nhất thừa này có đầy đủ các thứ tô điểm xinh đẹp. Một tướng lia tạp nhiễm, một chủng loại vô lậu.

Hoặc nhân hoặc quả mà các bậc Thánh khen ngợi, có thể khiến cho chúng sanh được vui vô lậu tịnh diệu bậc nhất, là căn bản của đức. Trong năm lạc là lạc không có não hại. Trong bốn vô não thì giác pháp, thứ ba vắng lặng thứ tư thuộc về hai lạc. Khác nhau với công đức sở hữu xe dê xe hươu của Nhị thừa, chẳng phải đều lìa hết tạp nhiễm, cũng chẳng thuần là vô lậu. Các Thánh tuy có mà không khen ngợi sanh lạc, chẳng phải bậc nhất. Đây gọi là Đại thừa.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến lỗi không lường đối ”.

- Tán: Đây là hợp giải thích nghi. Có hai: Nêu dụ và giải thích nghi. Dụ trước có ba: Là hỏi, đáp, và ấn. Nay chỉ nói chung về ấn khả. Vật báu trang nghiêm muôn đức đầy đủ. An ổn đệ nhất lìa hết tai nạn.

- Kinh: Như Lai cũng giống như thế cho đến mà độ thoát.

- Tán: Đây hợp có hai: Nêu và giải thích

- Kinh: “Vì sao cho đến không thể thọ hết.”

- Tán: Đây là phần giải thích.

“Nhất thừa của ta công đức vô lượng, chúng sanh có thể thọ dụng vô tận. Chúng sanh hoặc hữu tánh hoặc vô tánh. Hoặc có định tánh, hoặc có bất định tánh. Hoặc đầu tiên thích tiểu sau lại thích Đại. Do bất tận này đều có thể lãnh thọ. Cho nên trước ta nói Ba thừa nay chỉ nói nhất thật chẳng phải đối gạt, chỉ là pháp dẫn dụ dần.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến phân biệt có ba.”

- Tán: Đây là đoạn văn thứ ba, kết luận đáp.

Do trên đã nói nhân duyên đạo lý. Đối với thể Nhất thừa, phân biệt nói có ba giáo. Đối với một cực quả nói có ba nhân mà thật không có ba thể, ba quả tột cùng.

*Tăng Giác Ấn ghi tại chùa Pháp Long
Ngày 12 Tháng 5, Niên hiệu Bảo An thứ ba.*

